

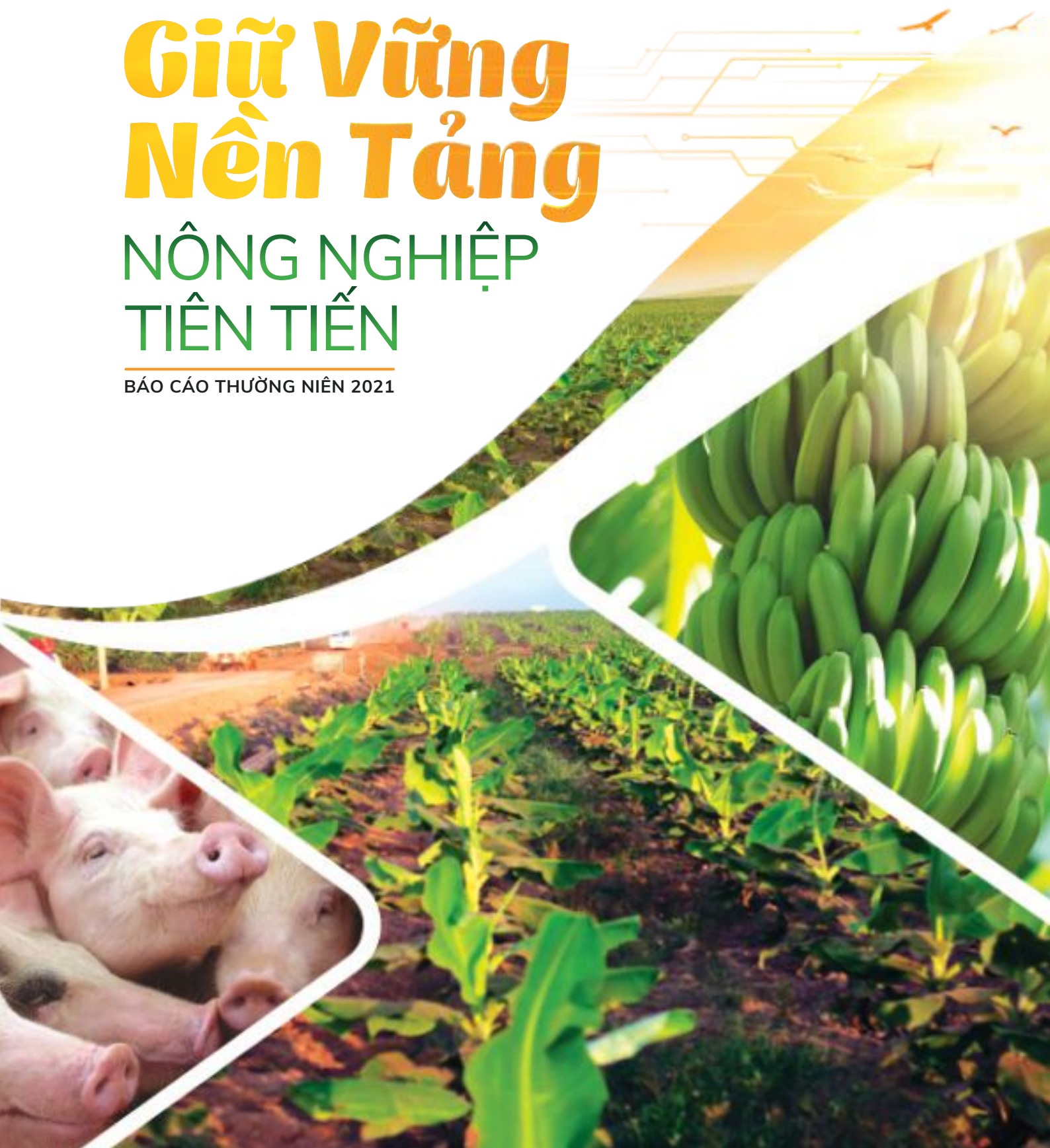


HAGL Group

Giữ Vững Nền Tảng

NÔNG NGHIỆP TIỀN TIẾN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 02

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2021 04

CỦNG CỐ NỀN TẢNG, PHÁT HUY NĂNG LỰC

Thông tin chung 08

Các cột mốc phát triển quan trọng 10

Sự kiện nổi bật 11

Mô hình quản trị 12

Bộ máy quản lý 14

Ngành nghề kinh doanh 16

Các công ty liên quan 18

TÌM KIẾM CƠ HỘI, GIA TĂNG GIÁ TRỊ

Thông tin Hội đồng Quản trị 22

Thông tin Ban Điều hành 24

Thông tin Ban Kiểm soát 25

Tổ chức nhân sự 26

Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 28

Báo cáo Hội đồng Quản trị 32

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc 34

Báo cáo của Ban Kiểm soát 38

TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN, SẼ CHIA THÀNH QUẢ

Cơ cấu cổ đông 42

Hoạt động của Hội đồng Quản trị 44

Quan hệ Nhà đầu tư 46

Quản lý rủi ro 48

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, XÂY DỰNG TƯƠNG LAI

Trách nhiệm với cộng đồng 52

An sinh cho người lao động 54

Bảo vệ môi trường 56

Cùng nhau phát triển 57

VUN ĐẮP GIÁ TRỊ, GIỮ VỮNG NIỀM TIN

Báo cáo tài chính 60

“
TRONG BỐI CẢNH THỊ
TRƯỜNG CHỨNG KIẾN NHIỀU
SỰ THAY ĐỔI VÀ KHÓ KHĂN
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 GÂY
RA, TẬP ĐOÀN HOÀNG ANH
GIA LAI LUÔN KHÔNG
NGỪNG NỖ LỰC VÀ CHUYỂN
ĐỔI ĐỂ CÓ NHỮNG BƯỚC ĐI
PHÙ HỢP VỚI BỐI CẢNH
THỰC TẾ. CHÚNG TÔI TIN
RẰNG NHỮNG KHÓ KHĂN
TRƯỚC MẮT SẼ SỚM VƯỢT
QUA VÀ MỞ RA NHIỀU TIỀM
NĂNG PHÁT TRIỂN TRONG
GIAI ĐOẠN PHÍA TRƯỚC.

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông,
nhà đầu tư, ngân hàng và đối tác!

Trong năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Chuỗi cung ứng bị gián đoạn, giá cả các yếu tố sản xuất đầu vào tăng cao trong khi giá bán nông sản chưa tăng tương xứng, làm cho sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp gặp nhiều thách thức.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục kiên định theo đuổi phương châm tái cấu trúc, tinh gọn sản xuất kinh doanh và giảm bớt nợ vay, thích ứng với tình hình phức tạp khó lường của môi trường kinh doanh.

Về chiến lược tái cấu trúc kinh doanh, Tập đoàn tập trung vào hai lĩnh vực chính là cây ăn trái và chăn nuôi heo. Diện tích cây ăn trái theo kế hoạch là 10.000 ha, trong đó cây chuối chiếm 7.000 ha. Đến cuối năm 2021 HAGL đã trồng được 5.000 ha, sang năm 2022 sẽ trồng thêm 2.000 ha. Đối với ngành chăn nuôi heo thì đến cuối năm 2021 HAGL đã xây dựng được 7 cụm chuồng trại với công suất nuôi khoảng 400.000 con heo thịt mỗi năm (mỗi cụm chuồng trại nuôi 2.400 con heo nái và mỗi con heo nái sinh ra khoảng 25 con heo thịt mỗi năm). Sang năm 2022, HAGL sẽ xây dựng thêm 9 cụm chuồng trại để nâng tổng số lên thành 16 cụm, với công suất nuôi hơn 1.000.000 con heo thịt mỗi năm.

Lợi thế cạnh tranh của HAGL là có được quỹ đất rộng lớn xa khu dân cư, khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp, khoảng cách địa lý và điều kiện vận chuyển đến cảng biển và thị trường tiêu thụ thuận lợi. Sản phẩm chuối và thịt heo là hai loại thực phẩm cơ bản và thiết yếu đối với cuộc sống, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Điểm sáng và mới mẻ của HAGL là sự sáng tạo trong việc vận dụng nguồn lực hỗ trợ từ ngành chuối để tạo ra lợi thế cạnh tranh đặc biệt cho ngành chăn nuôi heo. Chuối loại thải từ ngành trồng trọt (khoảng 200.000 tấn/năm) là nguồn nguyên liệu giàu dinh dưỡng làm thức ăn chăn nuôi heo, giúp hạ giá thành sản phẩm. Hơn nữa, sản phẩm “thịt heo ăn chuối” là loại sản phẩm độc đáo, vừa thơm ngon lại vừa đáp ứng tiêu chí sản phẩm hữu cơ, được người tiêu dùng đánh giá cao và tiếp nhận nồng nhiệt. HAGL tự tin rằng chiến lược kinh doanh này phù hợp với xu thế tiêu dùng hiện đại của xã hội, khi mà khách hàng ngày càng quan tâm nhiều hơn đến sức khỏe và chất lượng sản phẩm.

Về công tác tái cơ cấu tài chính, HAGL đã hoàn thành cơ bản việc thoái vốn đầu tư vào Nhóm Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Nhóm Công ty HNG”), giảm mạnh số dư nợ ngân hàng, giảm chi phí lãi vay, cải thiện hiệu quả sản



Chủ tịch HĐQT
ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC

xuất kinh doanh... Kết quả kinh doanh năm 2021 với con số tổng doanh thu 2.097 tỷ đồng và có lãi sau thuế 128 tỷ đồng sau một thời gian dài bị lỗ là một kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh điều kiện sản xuất kinh doanh còn nhiều rủi ro và thách thức như năm 2021.

Bên cạnh đó, HAGL cũng rất thành công trong công tác phòng chống dịch, ổn định sản xuất kinh doanh, duy trì ổn định công ăn việc làm cho người lao động. Lương và các chế độ cho người lao động không hề bị giảm so với khi chưa xảy ra dịch Covid-19. Các khoản nộp bảo hiểm xã hội và thuế theo luật định luôn được tuân thủ. Ngoài ra, lực lượng nhân viên y tế của Bệnh viện Đại học Y dược - HAGL cũng đã góp phần quan trọng trong công cuộc phòng chống dịch và chăm sóc sức khỏe cho người dân. Đồng thời, hoạt động thể thao tiếp tục có những đóng góp quan trọng cho nền bóng đá nước nhà bằng việc đào tạo và góp mặt nhiều cầu thủ có đẳng cấp chuyên môn cao và phẩm chất đạo đức tốt cho các cấp đội tuyển quốc gia.

Kế thừa những thành quả đã đạt được trong năm 2021, HAGL đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh trong năm 2022 và các năm tiếp theo. Cụ thể là chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2022 sẽ được nâng lên mức hơn 4.800 tỷ đồng và mức lợi nhuận sau thuế đạt 1.120 tỷ đồng. HAGL cũng sẽ thực hiện phát hành



Lợi thế cạnh tranh của HAGL là có được quỹ đất rộng lớn xa khu dân cư, khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp, khoảng cách địa lý và điều kiện vận chuyển đến cảng biển và thị trường tiêu thụ thuận lợi. Sản phẩm chuối và thịt heo là hai loại thực phẩm cơ bản và thiết yếu đối với cuộc sống, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

riêng lẻ cổ phần để huy động vốn chủ sở hữu 1.200 tỷ đồng đầu tư vào ngành chuối và chăn nuôi heo. Giải pháp này sẽ giúp tăng hệ số an toàn tài chính, đầu tư gia tăng tài sản sinh lợi, qua đó tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm rủi ro, tăng giá trị và mức độ hấp dẫn của cổ phiếu HAG.

Chúng tôi tự tin rằng HAGL sẽ thành công rực rỡ với chiến lược nêu trên, mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông và nhà đầu tư. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông, nhà đầu tư, ngân hàng và đối tác đã đồng hành cùng HAGL trên chặng đường gian nan vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý vị trong thời gian tới. Sự đồng hành và ủng hộ của quý vị sẽ là động lực để chúng tôi tiếp tục phát triển, theo đuổi sứ mệnh “Phát triển Nông nghiệp bền vững”.

Trân trọng,

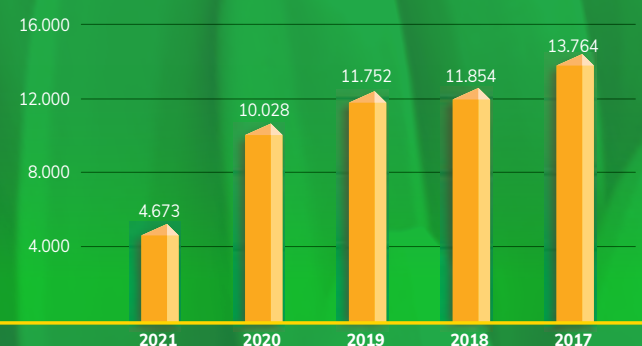
Chủ tịch HĐQT
Đoàn Nguyễn Đức



VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ VND)

NĂM 2021

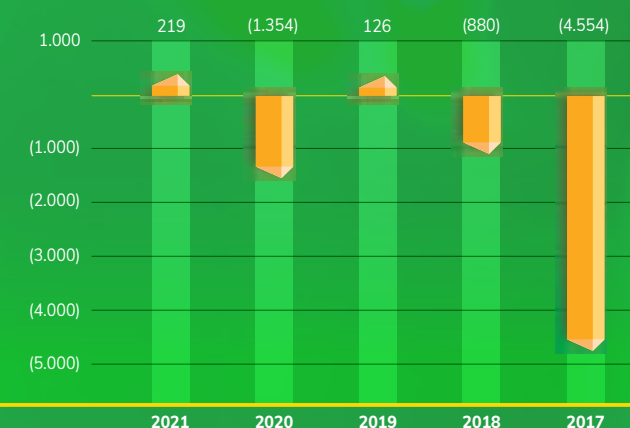
4.673



LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU
(VND)

NĂM 2021

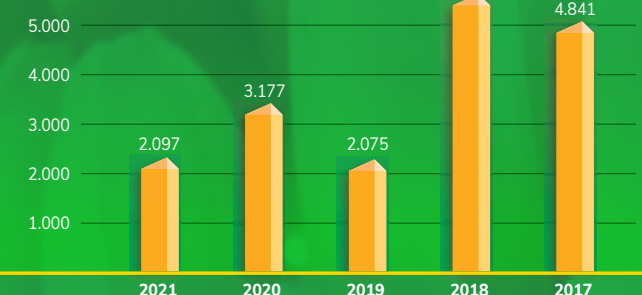
219



DOANH THU THUẦN
(TỶ VND)

NĂM 2021

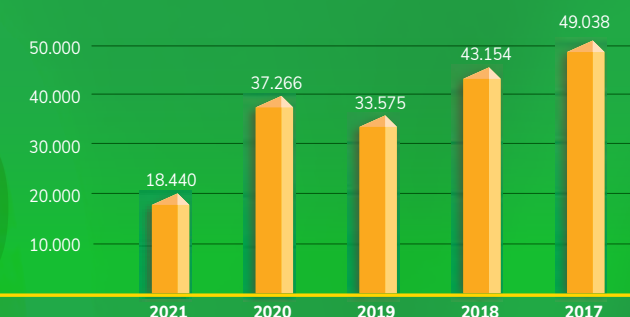
2.097



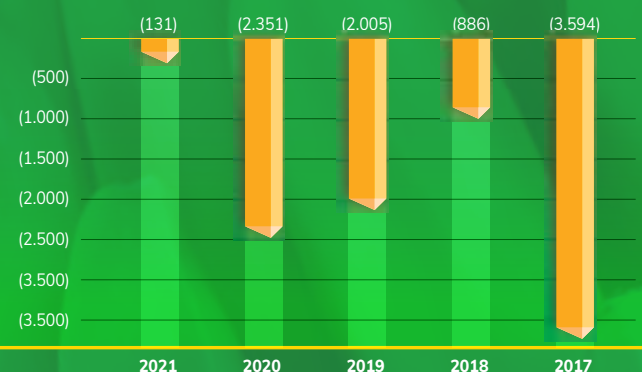
TỔNG TÀI SẢN
(TỶ VND)

NĂM 2021

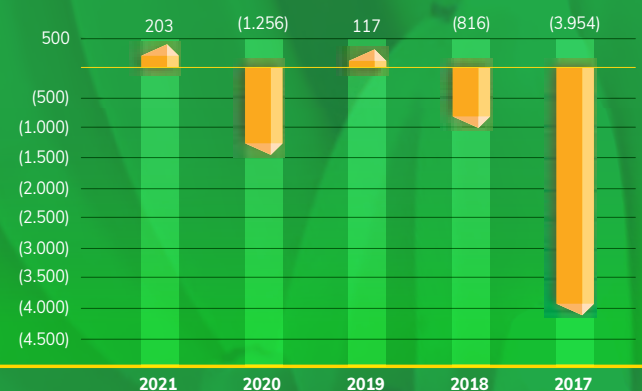
18.440



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(TỶ VND)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CÔNG TY MẸ
(TỶ VND)



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU





CỦNG CỐ NỀN TẢNG
PHÁT HUY NĂNG LỰC

Tên công ty bằng tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Tên công ty bằng tiếng Anh:

Hoang Anh Gia Lai Joint Stock Company

Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Tên viết tắt: **HAGL**

Mã số doanh nghiệp: **5900377720**

Đăng ký kinh doanh lần đầu: **Ngày 01/06/2006**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Số 5900377720 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01/06/2006 (đăng ký lần đầu)

Đăng ký thay đổi: lần thứ 30 ngày 30/03/2018

MÃ CỔ PHIẾU:

HAG

MỆNH GIÁ:

**10.000
VND**

TỔNG SỐ CỔ PHẦN:

**927.467.947
CỔ PHẦN**

VỐN ĐIỀU LỆ:

**9.274.679.470.000
VND**

HỘI SỞ

Địa chỉ: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 269 222 5888

Fax: (+84) 269 222 2335

Website: www.hagl.com.vn

CÁC CỘT MỐC

PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

2021 - 2022

Năm 2021

Tập đoàn ưu tiên tái cấu trúc sâu rộng nhằm giảm bớt nợ ngân hàng, chọn lọc và tinh gọn hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Từ năm 2022 trở đi

Tập đoàn đặt mục tiêu tăng cường các biện pháp tái cơ cấu tài chính nhằm kéo giảm nợ ngân hàng xuống một mức ổn định. Tiếp tục ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2013 - 2020

GIẢI ĐOẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

ĐẦU TƯ CHĂM BÓN CÂY CAO SU,
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÂY ĂN TRÁI
ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI SỰ THAY ĐỔI
CỦA THỊ TRƯỜNG CAO SU VÀ
NÔNG SẢN.

2002 - 2012

GIẢI ĐOẠN ĐẠI CHỨNG HÓA

CÔNG TY ĐẠI CHỨNG:

BẤT ĐỘNG SẢN LÀ NGÀNH CHỦ LỰC TRONG KHI
CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA ĐƯỢC TRIỂN KHAI.

2002

Đầu tư vào CLB Bóng đá Hoàng Anh Gia Lai nhằm quảng bá thương hiệu Hoàng Anh Gia Lai trong và ngoài nước.

2006 - 2007

Chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

Dragon Capital và Jaccar trở thành cổ đông chiến lược của Công ty.

2008 - 2010

Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Huy động vốn cổ phần từ TTCK để tài trợ cho chương trình đa dạng hóa sang ngành trồng trọt, thủy điện và khoáng sản.

2011 - 2012

Huy động vốn từ thị trường chứng khoán quốc tế thông qua phát hành GDR niêm yết trên Sàn Luân Đôn.

Phát hành Trái phiếu Quốc tế 90 triệu USD thông qua Credit Suisse.

Phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Temasek.

1990 - 1993

GIẢI ĐOẠN KHỞI NGHIỆP

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN:
SẢN XUẤT ĐỒ GỖ

1990

Một phân xưởng nhỏ sản xuất đồ gỗ.

1993

Xây dựng nhà máy chế biến gỗ đầu tiên;
Thành lập Xí nghiệp tư nhân Hoàng Anh Gia Lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÀNG ANH GIA LAI**



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHĂN NUÔI
GIA LAI**

88,03%

**CÔNG TY TNHH
HƯNG THẮNG LỢI
GIA LAI**

98%

51%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM MANG YANG

100%

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐẠI THẮNG

100%

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP KHĂN XAY

97,5%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO HOÀNG ANH GIA LAI

1,5%

99%

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN HOÀNG ANH GIA LAI

0,5%

100%

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH VIENTIANE

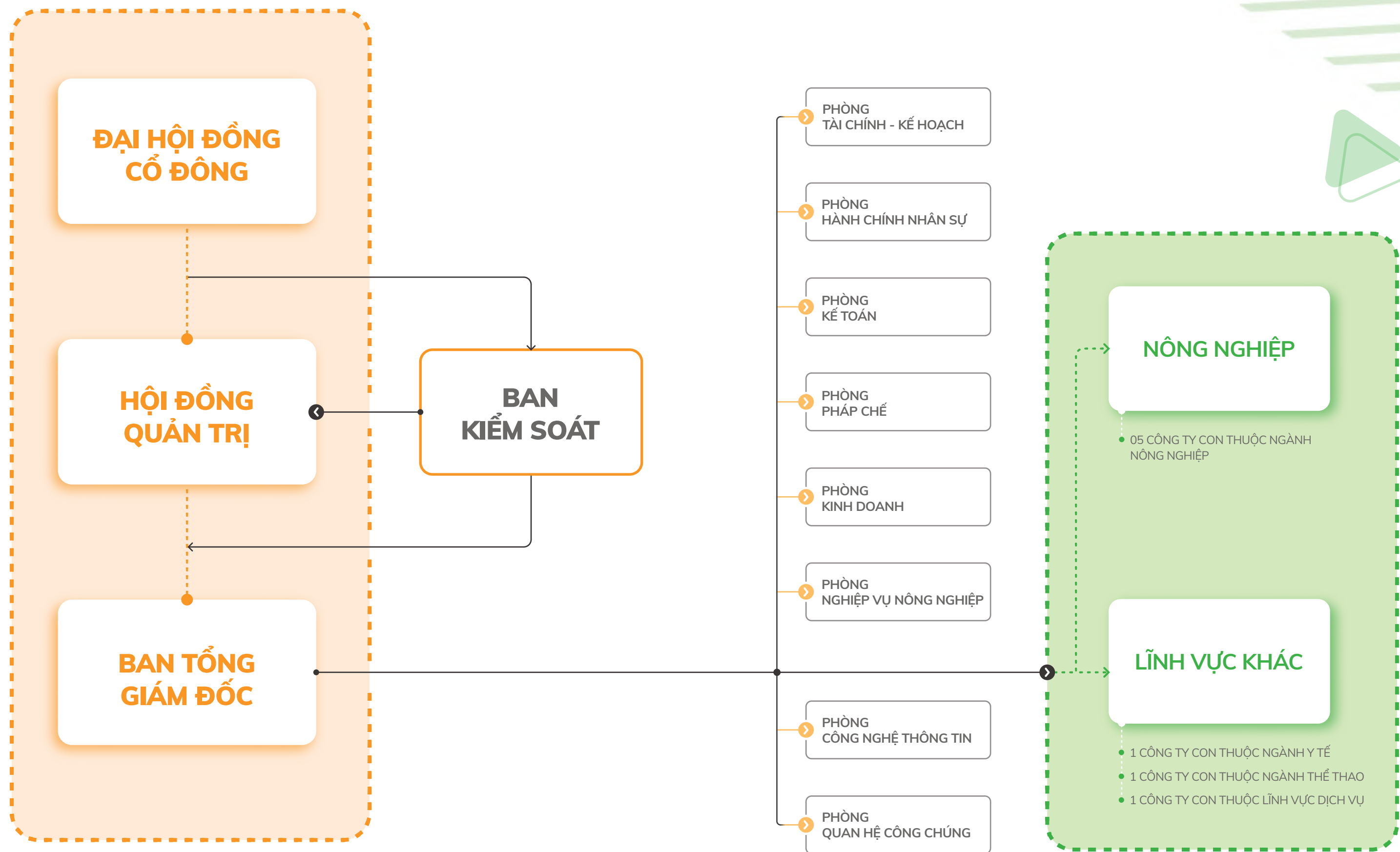
25%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG Á ĐÔNG

■ Nông nghiệp

■ Lĩnh vực khác

■ Công ty liên kết





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai được tổ chức theo mô hình tập đoàn hoạt động đa ngành nghề với lĩnh vực chính là trồng cây ăn trái và chăn nuôi gia súc. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng duy trì một số ngành nghề hỗ trợ khác như bệnh viện và thể thao.

NGÀNH CÂY ĂN TRÁI

Năm 2021, ngành cây ăn trái vẫn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu hoạt động của Tập đoàn với sản phẩm chủ lực là chuối. Đến cuối năm 2021, diện tích cây ăn trái thuộc Tập đoàn vào khoảng 10.000 ha tại Việt Nam, Lào và Campuchia, trong đó diện tích chuối khoảng 5.000 ha.

Tập đoàn luôn chú trọng sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn Global GAP hoặc các tiêu chuẩn tương đương, đủ điều kiện xuất khẩu vào các thị trường khó tính như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Châu Âu. Về thị trường tiêu thụ hiện tại, Tập đoàn lấy thị trường Trung Quốc làm nền tảng và sẽ chiếm giữ vị trí nhà cung cấp các loại trái cây nhiệt đới lớn nhất tại thị trường này. Tập đoàn cũng sẽ đầu tư chế biến sâu sau thu hoạch để gia tăng giá trị sản phẩm và đa dạng hóa nguồn cung sản phẩm cho thị trường.

Trong tương lai, Tập đoàn hướng dẫn đến tự động hóa tất cả các khâu sản xuất, từ làm đất, trồng cây, làm cỏ đến thu hoạch, đóng gói, và bảo quản sau thu hoạch. Tập đoàn cũng sẽ đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất chế biến hiện đại, tạo ra các sản phẩm từ trái cây với chất lượng cao như nước ép trái cây cô đặc, sấy khô, và cấp đông để xuất khẩu, có tính cạnh tranh trên thị trường Quốc tế.

10.000 ha

Tổng diện tích cây ăn trái thuộc Tập đoàn đến cuối năm 2021 tại Việt Nam, Lào và Campuchia



Diện tích chuối

5.000 ha



NGÀNH CHĂN NUÔI GIA SÚC

Tập đoàn bắt đầu tham gia đầu tư ngành chăn nuôi heo từ năm 2020, năm 2021 doanh thu từ ngành này cũng chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu doanh thu. Trong năm 2021, Tập đoàn đã xây dựng được 07 cụm chuồng trại chăn nuôi heo với công suất nuôi khoảng 400.000 con heo thịt mỗi năm. Tập đoàn dự kiến đến năm 2022 sẽ xây dựng thêm 09 cụm chuồng trại nâng tổng số cụm chuồng trại lên thành 16 cụm với công suất hơn 1.000.000 con heo thịt mỗi năm (mỗi cụm nuôi 2.400 con heo nái sinh sản và 60.000 con heo thịt).

 **1 triệu**

con heo thịt mỗi năm với công suất dự kiến năm 2022



CÁC NGÀNH NGHỀ KHÁC

Bệnh viện Đại học Y dược HAGL trong năm 2021 tiếp tục tạo ra lợi nhuận. Tuy chưa góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn, nhưng Bệnh viện lại có những đóng góp quan trọng đối với xã hội, giúp HAGL tham gia nhiều hoạt động từ thiện và cũng giúp ích nhiều cho công tác chữa trị cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.



BÓNG ĐÁ

Hoạt động thể thao vẫn tiếp tục được duy trì nhằm đóng góp cho sự phát triển của bóng đá Việt Nam nói riêng và cho xã hội nói chung.

CÔNG TY CON

NÔNG NGHIỆP

HAG - Tỷ lệ sở hữu GT
31/12/2021

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai

15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

98,00%

Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng

Bản Nongayoiy, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào

98,00%

Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay

Bản Nongayoiy, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào

98,00%

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai

Tầng 8, 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

88,03%

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang

Làng B'len, Xã Lơpang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

44,90%

XÂY DỰNG, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ

Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai

15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

99,97%

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai

238 Lê Duẩn, Phường Trà Bá, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

99,93%

Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane

Bản Vatchan, Huyện Chanthabouly, Vientiane, Lào

100,00%

CÔNG TY LIÊN KẾT

HAG - Tỷ lệ sở hữu GT
31/12/2021

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông

7/1 Thành Thái, Phường 14, Q. 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

25,00%



TÌM KIẾM CƠ HỘI
GIA TĂNG GIÁ TRỊ





THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1963

Quá trình công tác:

Từ năm 1992 đến nay:
Công tác tại Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN
Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Tài chính, bằng CFA, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)

Quá trình công tác:

Từ tháng 8/1996 đến tháng 11/2003:
Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C

Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2008:
Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Từ tháng 10/2008 đến nay:
Công tác tại Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN
Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Tp.HCM, MBA Thương Mại Cao cấp HEC - Pháp, Thạc sĩ Tài chính Đại học Paris Dauphine - Pháp

Quá trình công tác:

Từ năm 1996 đến năm 1998:
Kế toán trưởng Công ty Prezioso

Từ năm 1998 đến năm 2002:
Kế toán trưởng Công ty Espace Bourbon An Lạc

Từ năm 2002 đến năm 2006:
Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính hệ thống Siêu thị Big C Việt Nam

Từ năm 2006 đến năm 2020:
Tổng Giám đốc Jaccar Holdings

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổng Giám đốc Công ty CP Bourbon Bến Lức

Thành viên HĐQT Công ty CP Thực phẩm Agrex Sài Gòn



BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH
Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ năm 2001 đến năm 2006:
Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2006 đến năm 2008:
Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai của Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Từ tháng 01 đến tháng 04/2009:
Phó Phòng Kế hoạch đầu tư và Dự án Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 04/2009: Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai

Từ tháng 12/2014 đến tháng 04/2017:
Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Từ tháng 02/2017 đến tháng 05/2017:
Phó Giám đốc tài chính Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 05/2017 đến 01/03/2021:
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai; Thành viên HĐQT Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Từ ngày 01/03/2021 đến nay:
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Giám đốc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai

Giám đốc Công ty CP Chế biến Thức ăn Gia súc Đồng Gia Lai



ÔNG NGUYỄN VĂN MINH
Thành viên HĐQT
Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2021

Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác:

Từ năm 1981 đến năm 1989:
Công tác tại Phòng Nông nghiệp huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum

Từ năm 1989 đến năm 1992:
Công tác tại Công ty Cà phê tỉnh Gia Lai; Giám đốc CTCP Khoáng sản Gia Lai

Từ năm 1992 đến 26/11/2021:
Công tác tại Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai



BÀ NGUYỄN THỊ HUYỀN
Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác:

Từ năm 1996 đến năm 1998:
Công tác tại Xí nghiệp tư doanh Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 1998 năm 2001:
Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

Từ năm 2001 đến năm 2007:
Công tác tại Văn phòng đại diện Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai tại Singapore

Từ năm 2007 đến năm 2008:
Công tác tại Resort Hoàng Anh Quy Nhơn - Trợ lý Giám đốc

Từ năm 2008 đến năm 2013:
Công tác tại Công ty CP XD&PT Nhà Hoàng Nguyên

Từ năm 2013 đến năm 2021:
Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên độc lập HĐQT

THÔNG TIN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Xem thông tin trang 20



BÀ HỒ THỊ KIM CHI

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ năm 1998 đến năm 2006:

Công tác tại Xí nghiệp Tư
doanh Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2006 đến nay:

Công tác tại Công ty CP
Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Phó Tổng Giám đốc



BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Xem thông tin trang 21



BÀ LÊ TRƯƠNG Y TRÂM

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1990

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ tài chính,
chứng chỉ Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

Tháng 9/2012 đến tháng 8/2016:

Phòng kiểm toán nội bộ, Công ty
CP Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 9/2016 đến tháng 6/2017:

Phòng Kế toán, Công ty CP Nông
nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 7/2017 đến tháng 7/2018:

Phòng Hợp nhất, Công ty CP
Hoàng Anh Gia Lai

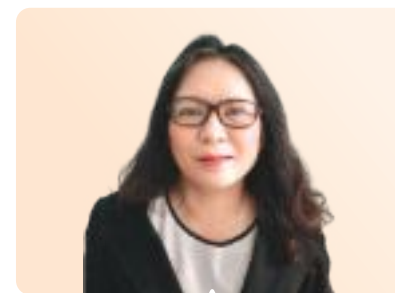
Tháng 7/2018 đến nay:

Phòng Kế toán, Công ty CP Hoàng
Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Kế toán trưởng

THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT



BÀ ĐỖ TRẦN THÙY TRANG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật,
Chứng chỉ kiểm toán viên

Quá trình công tác:

Từ năm 1992 đến năm 2007:

Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán
và tư vấn A&C

Từ năm 2008 đến năm 2012:

Giám đốc tài chính Công ty CP
Đầu tư Sài Gòn Mê Kông

Từ năm 2012 đến năm 2014:

Phó Giám đốc phụ trách tài chính
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Mê
Kông

Từ năm 2015 đến tháng 05/2017:

Phó Giám đốc phụ trách tài chính
Công ty CP Bò Đồng Dương

Từ tháng 06/2017 đến tháng

2/2021: Kế toán trưởng Công ty
CP Thực phẩm Heygo

Công tác hiện nay tại HAGL:

Trưởng Ban Kiểm soát



ÔNG LÊ HỒNG PHONG

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 2003 đến năm 2004: Trợ lý kiểm
toán Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tư
vấn tài chính Sài Gòn (AFC Sài Gòn)

Từ năm 2004 đến năm 2010: Trợ lý kiểm
toán, nhóm trưởng kiểm toán Công ty
TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Từ năm 2010 đến năm 2011: Chuyên viên
kiểm soát tài chính Công ty CP Tập
đoàn Đất Xanh

Từ năm 2011 đến năm 2016: Phó phòng
kiểm toán nội bộ Công ty CP Hoàng Anh
Gia Lai

Từ năm 2015 đến năm 2017: Trưởng Ban
kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp
Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2016 đến năm 2019: Tổng Giám
đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển
Cao su Đồng Dương

Từ năm 2020 đến năm 2021: Trưởng Ban
kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp
Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2021 đến nay: Phó Giám đốc
Phụ trách Tài chính, Cố vấn HĐQT Công
ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Thịnh Vượng

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG PHẠM NGỌC CHÂU

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 2001 đến năm 2003

Công tác tại CTCP Phát Triển
Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn
(SADACO).

Từ năm 2004 đến năm 2007:

Công tác tại Công ty TNHH Âu
Á Liên Hiệp

Từ năm 2008 đến năm 2012:

Công tác tại Công ty CP Quản
lý Bất động sản Hoàng Anh
Gia Lai.

Từ năm 2013 đến nay:

Công tác tại Công ty CP
Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên Ban Kiểm soát



Trong những năm qua, lãnh đạo Tập đoàn luôn quan tâm, chăm lo đời sống của cán bộ, công nhân viên đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có tay nghề cao, kinh nghiệm, bản lĩnh và giàu nhiệt huyết. Đây chính là động lực đưa HAGL vượt qua khó khăn thách thức, tiến bước vững chắc trên chặng đường phía trước.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

HAGL luôn chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Bên cạnh đó, HAGL cũng ưu

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Tập đoàn HAGL được tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con gồm 1 công ty mẹ và 8 công ty con. Tổng số lao động của Tập đoàn cuối năm 2021 là 2.448 người, trong đó số lao động trực tiếp tại các nông trường là 2.008 người.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Tại Tập đoàn HAGL, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các cán bộ công nhân viên đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao. Công ty luôn ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy năng lực sáng tạo và tính cạnh tranh lành mạnh. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, thân thiện và gắn kết.

Tổng số lao động
của Tập đoàn cuối năm 2021

2.448

CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

HAGL xây dựng chính sách lương, thưởng dựa theo các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp phù hợp với giá trị tạo ra của từng vị trí. Các chế độ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... được Công ty thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật.

Tập đoàn tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ công nhân viên tại Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai với chính sách hỗ trợ 50% chi phí khám chữa bệnh định kỳ cho nhân viên, hỗ trợ 100% chi phí cho những trường hợp bị tai nạn trong quá trình lao động.

HAGL tổ chức xe đưa đón công nhân, cấp chung cư cho cán bộ, chuyên gia công tác xa nhà, xây dựng các khu nhà tập thể, nhà riêng cho hộ gia đình có hai người làm việc cho nông trường; lắp đặt, cung cấp các trang thiết bị cần thiết như internet, hệ thống cáp truyền hình... nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho công việc và giải trí của người lao động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2021, mặc dù đợt bùng phát Covid lần thứ tư ảnh hưởng nặng nề đến tình hình sản xuất kinh doanh của cả nước nói chung và của Tập đoàn nói riêng, nhưng nhìn chung tình hình kinh doanh của Tập đoàn vẫn đạt những kết quả khả quan so với năm 2020.

CHỈ TIÊU	Năm 2021 (Tỷ VND)	Năm 2020 (Tỷ VND)	Thay đổi so với năm 2020 (Tỷ VND)
Doanh thu thuần	2.097	3.177	(1.080)
Lợi nhuận gộp	507	206	301
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(131)	(2.351)	2.220
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	128	(2.383)	2.511
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ	203	(1.256)	1.459



1.004
TỶ ĐỒNG

Doanh thu
bán trái cây

chiếm tỷ trọng **47,9%** trong tổng doanh thu

Số lợi nhuận gộp đạt 419 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 41,7%. Đây là mảng đóng góp lớn vào doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2021 và những năm sau.

558
TỶ ĐỒNG

Doanh thu
bán heo

chiếm tỷ trọng **26,6%** trong tổng doanh thu

Số lợi nhuận gộp đạt 192 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 34,41%. Đây là sản phẩm mới nhưng có biên lợi nhuận gộp lớn chỉ đứng sau trái cây. Đây cũng là sản phẩm chính của Tập đoàn (Bên cạnh trái cây) và hứa hẹn tăng trưởng trong tương lai.

317
TỶ ĐỒNG

Doanh thu bán
sản phẩm hàng hóa

chiếm tỷ trọng **15,1%** trong tổng doanh thu

Số lợi nhuận gộp đạt 24 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 7,57%. Hoạt động này chủ yếu cung cấp vật tư, hàng hóa cho ngành nông nghiệp.

218
TỶ ĐỒNG

Doanh thu dịch vụ
cung cấp khác

chiếm tỷ trọng **10,4%** trong tổng doanh thu

Số lợi nhuận gộp đạt 4 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 1,83%. Chủ yếu từ dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai và kinh doanh khách sạn, v.v.



Nhìn chung, năm 2021 doanh thu của Tập đoàn tăng so với năm 2020 (nếu loại trừ doanh thu của các công ty thuộc nhóm Công ty HNG trong cơ cấu doanh thu năm 2020) và vượt kế hoạch doanh thu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã thông qua. Đạt được kết quả như trên là nhờ sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, sự cố gắng của tập thể Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên trong Tập đoàn.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Năm 2021 (Tỷ VND)	Năm 2020 (Tỷ VND)	Tăng / (giảm) (Tỷ VND)	Tăng / (giảm) (%)
			Trong đó: Nhóm công ty HNG	
Tổng tài sản	18.440	37.266	25.902	(50,5)
Tổng nợ phải trả	13.767	27.238	13.652	(49,5)
Trong đó:				
Vay ngắn hạn	2.510	8.772	7.262	(71,4)
Vay dài hạn	5.777	9.331	2.002	(38,1)
Nợ phải trả khác	5.480	9.135	4.389	(40,0)

Trong năm 2021, Tập đoàn đã thanh lý các công ty con thuộc nhóm Công ty HNG nên các chỉ tiêu liên quan đến tình hình tài chính giảm mạnh. Cụ thể:

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại ngày 31/12/2021, tổng giá trị tài sản của Tập đoàn là 18.440 tỷ đồng giảm 50,5% tương đương giảm 18.826 tỷ đồng so với cuối năm 2020. Sau khi loại trừ số liệu của các công ty thuộc nhóm công ty HNG trong số liệu năm 2020 thì Tổng tài sản của Tập đoàn năm nay tăng hơn năm 2020 là do Tập đoàn đã đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh ở các công ty còn lại.

Tổng giá trị tài sản của Tập đoàn,
tính đến ngày 31/12/2021

18.440

TỶ ĐỒNG

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại ngày 31/12/2021, tổng nợ phải trả là 13.767 tỷ đồng, giảm 49,5 % tương đương số tiền 13.471 tỷ đồng so với cuối năm 2020. Bao gồm:

- Các khoản vay ngắn hạn giảm 71,4% tương đương số tiền 6.262 tỷ đồng chủ yếu là do không hợp nhất khoản vay của các công ty thuộc nhóm công ty HNG làm cho khoản vay ngắn hạn giảm 7.262 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm Tập đoàn đã phân loại nợ dài hạn đến hạn chuyển sang vay ngắn hạn làm cho khoản vay ngắn hạn tăng 1.000 tỷ đồng.
- Các khoản vay dài hạn giảm 38,1% tương đương số tiền 3.554 tỷ đồng là do trong năm Tập đoàn không vay mới mà cố gắng trả các khoản nợ đến hạn.
- Nợ phải trả khác giảm 40,0% tương đương số tiền 3.655 tỷ đồng, chủ yếu là do không hợp nhất khoản vay của các công ty thuộc nhóm công ty HNG làm cho khoản nợ phải trả khác giảm 4.389 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2021 Tập đoàn tiếp tục phát sinh tiền lãi vay phải trả làm cho nợ phải trả khác tăng 734 tỷ đồng.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,04	0,58
Hệ số thanh toán nhanh	0,98	0,43
Cơ cấu vốn		
Hệ số nợ vay / Tổng tài sản	0,45	0,49
Hệ số nợ vay / Vốn chủ sở hữu	1,77	1,81
Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	6,1%	(75,0%)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	2,7%	(23,8%)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,7%	(6,4%)
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	9,1%	(63,7%)



Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh năm 2021 có cải thiện đáng kể so với năm trước.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,58 lần năm 2020 lên đến 1,04 lần cuối năm 2021. Đặc biệt hệ số thanh toán nhanh tăng lên mức 0,98 lần là một bước cải thiện đáng kể.

Hệ số nợ vay trên tổng tài sản 0,45 lần vào cuối năm 2021 so với 0,49 lần vào cuối năm 2020 và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu 1,77 lần vào cuối năm 2021 so với 1,81 lần vào cuối năm 2020. Hệ số nợ vay trên tổng tài sản và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu cuối năm 2021 có giảm so với cuối năm 2020, tuy nhiên mức giảm không nhiều và Tập đoàn cũng đang tìm phương án để giảm bớt các hệ số này trong năm 2022 nhiều hơn nữa.



Các hệ số về khả năng sinh lời năm 2021 cải thiện rõ rệt so với năm 2020 cho thấy Tập đoàn đã thoát khỏi tình trạng thua lỗ và bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

CÂY ĂN TRÁI



Đây là ngành kinh doanh chủ lực của Tập đoàn hiện nay, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu, có tỷ suất lợi nhuận cao và vẫn sẽ được duy trì là ngành chiến lược trong thời gian tới.

NGÀNH CHĂN NUÔI HEO



Trong năm 2021 doanh thu của ngành này chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Tập đoàn. Theo định hướng của Tập đoàn ngành chăn nuôi heo cùng với ngành cây ăn trái sẽ là hai ngành chủ lực của Tập đoàn trong thời gian tới.

BỆNH VIỆN, BÓNG ĐÁ



Đây là hai mảng chủ yếu để quảng bá hình ảnh và tham gia đóng góp công tác xã hội của Tập đoàn.

VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ



Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021 dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng tới nhiều ngành nghề, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Trước tình hình đó, HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh kịp thời để đảm bảo hoạt động của Tập đoàn được ổn định song song với việc tuân thủ công tác phòng, chống dịch bệnh.

Thông qua các cuộc họp HĐQT, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cùng nhau trao đổi về việc triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu đã được duyệt tại ĐHHĐCĐ. Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên báo cáo lên HĐQT về những công việc đã thực hiện cũng như các khó khăn vướng mắc gặp phải để cùng nhau tìm hướng giải quyết.



Trên cơ sở đó, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã bám sát và thực hiện theo đúng chỉ đạo của HĐQT đề ra, đồng thời Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

Năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã đạt được những kết quả cụ thể sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đề ra;
- Thực hiện việc giảm nợ vay đối với các khoản nợ lãi suất cao, cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo quản lý hiệu quả và có khả năng tự cân đối tài chính cho từng dự án;
- Hoàn thành cơ bản việc thoái vốn khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai;
- Tập trung đầu tư, chăm bón, phát triển vườn cây ăn trái với diện tích khoảng 10.000 ha;
- Đã xây dựng được 07 cụm chuồng trại chăn nuôi heo với công suất nuôi khoảng 400.000 con heo thịt mỗi năm;
- Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Trung Quốc, bước đầu mở rộng sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore;
- Thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Về tài chính

Tăng cường các biện pháp tái cơ cấu tài chính, phấn đấu giảm số dư nợ phải trả ngân hàng.

Về sản xuất, kinh doanh

Đẩy mạnh triển khai chiến lược kinh doanh tập trung vào hai ngành hàng chủ yếu là chuối và chăn nuôi heo, dựa trên các yếu tố sau:

Tập đoàn có lợi thế cạnh tranh với hai ngành này như: quỹ đất rộng lớn ở xa khu dân cư, khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp, khoảng cách địa lý đến cảng biển và thị trường tiêu thụ gần hơn so với các công ty cạnh tranh;

Sản phẩm chuối và thịt heo là hai loại thực phẩm cơ bản và thiết yếu đối với cuộc sống, nhu cầu cao, thị trường rộng lớn điển hình là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...;

Chuối loại thải từ ngành trồng trọt (khoảng 200.000 tấn/năm) là nguồn nguyên liệu giàu dinh dưỡng làm thức ăn chăn nuôi heo, giúp hạ giá thành sản phẩm, tăng chất lượng thịt heo, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Về hệ thống quản trị

Tiếp tục ứng dụng các phần mềm quản lý để tiến tới nền tảng công nghệ quản trị cho toàn chuỗi sản xuất, đảm bảo các nguồn lực được sử dụng hiệu quả cao và khoa học, giúp giảm đáng kể hao hụt tài nguyên của Tập đoàn.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH



**KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT
KINH DOANH**

Năm 2021, tổng doanh thu đạt

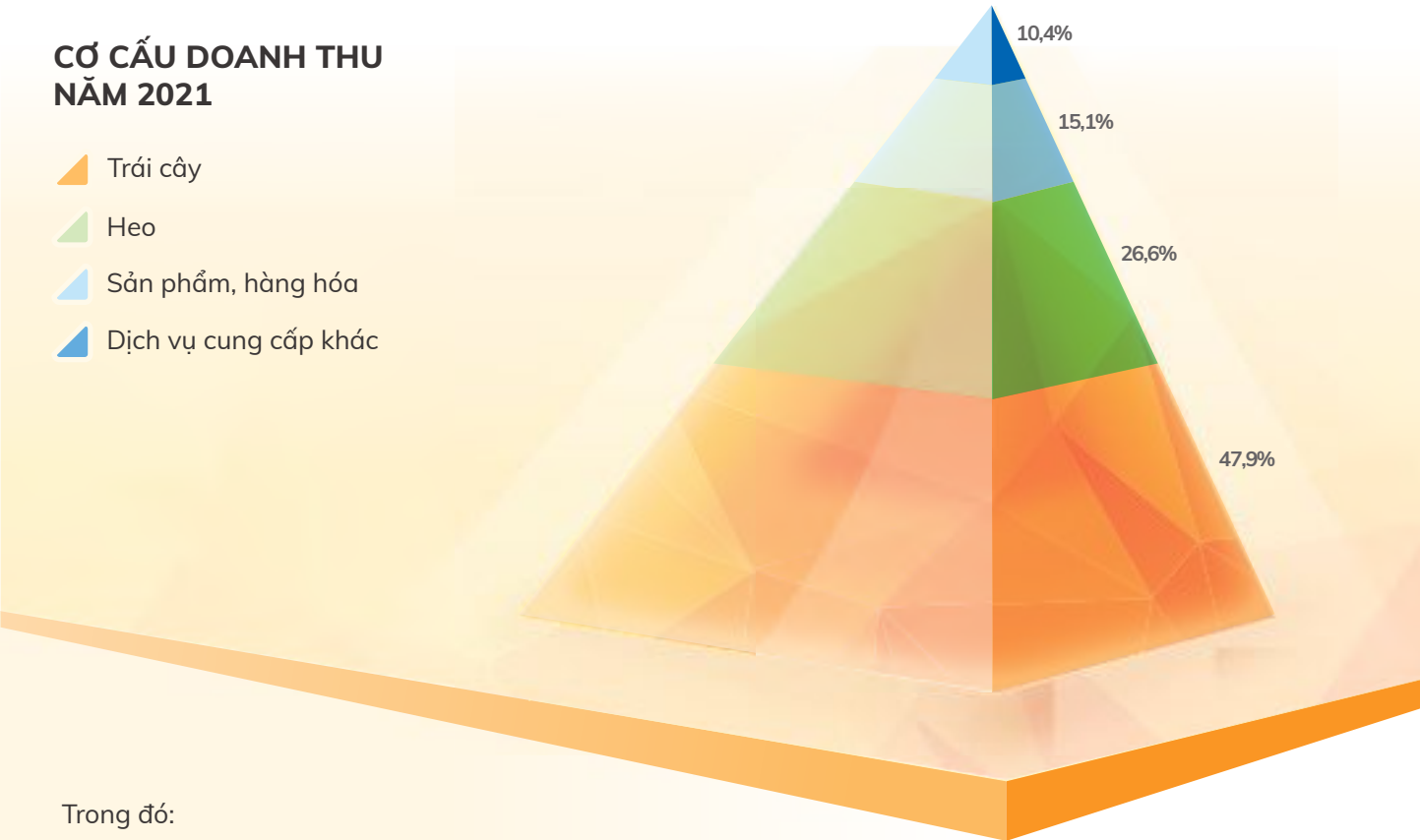
2.097 TỶ ĐỒNG

vượt **2,04%** kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua. Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực ngành nghề như sau:

Ngành kinh doanh	Năm 2021		Năm 2020		Năm 2019	
	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)
Trái cây	1.004	47,9	2.283	71,9	1.275	61,5
Heo	558	26,6	121	3,8	-	-
Sản phẩm, hàng hóa	317	15,1	40	1,3	182	8,8
Dịch vụ cung cấp khác	218	10,4	466	14,7	234	11,3
Mủ cao su	-	-	266	8,4	342	16,5
Ốt	-	-	-	-	39	1,9
Bò	-	-	-	-	2	0,10
Tiêu	-	-	-	-	1	0,1
Tổng doanh thu	2.097	100,0	3.177	100,0	2.075	100,0

CƠ CẤU DOANH THU
NĂM 2021

- Trái cây
- Heo
- Sản phẩm, hàng hóa
- Dịch vụ cung cấp khác



Trong đó:

Doanh thu bán trái cây đạt 1.004 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 47,9% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 419 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 41,7%. Đây là mảng đóng góp lớn vào doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2021 và những năm sau.

Doanh thu bán heo đạt 558 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 26,6% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 192 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 34,41%. Đây là sản phẩm mới nhưng có biên lợi nhuận gộp lớn chỉ đứng sau trái cây. Đây cũng là sản phẩm chính của Tập đoàn (Bên cạnh trái cây) và hứa hẹn tăng trưởng trong tương lai.

Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa đạt 317 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 15,1% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 24 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 7,57%. Hoạt động này chủ yếu cung cấp vật tư, hàng hóa cho ngành nông nghiệp.

Doanh thu dịch vụ cung cấp khác đạt 218 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 10,4% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 4 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 1,83%. Chủ yếu từ dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai và kinh doanh khách sạn, v.v.

- Doanh thu bán trái cây
- Doanh thu bán heo
- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa
- Doanh thu dịch vụ cung cấp khác



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN TRONG NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy thách thức, khó khăn và bất ổn khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam, lây lan trên diện rộng và diễn biến phức tạp khó lường. Thị trường tiêu thụ trái cây chủ yếu của Tập đoàn là thị trường Trung Quốc cũng bị ảnh hưởng do chính sách Zero Covid của Trung Quốc.



Trước tình hình đó, HĐQT cũng đã chỉ đạo sát sao và cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra những giải pháp thiết thực nhằm giúp Tập đoàn vừa ổn định và duy trì sản xuất vừa tái cấu trúc sâu rộng. Về kinh doanh, năm 2021 Tập đoàn giảm lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc bằng cách tăng cường xuất khẩu sang Hàn Quốc và Nhật Bản. Về tài chính, Tập đoàn đã giảm bớt nợ vay ngân hàng, nhằm làm cho tình hình tài chính trở nên lành mạnh, giảm bớt áp lực trả nợ vay trong các năm tiếp theo.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2021, các số liệu tài chính đều giảm so với năm 2020 là do Tập đoàn đã thanh lý các công ty con thuộc nhóm công ty HNG. Tuy nhiên, sau khi loại trừ yếu tố này trong số liệu năm 2020 thì tình hình tài chính của năm 2021 khá quan hơn năm 2020, cụ thể:

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản năm 2021 giảm 50,5% so với năm 2020, tương đương giảm 18.826 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

	Năm 2021	Năm 2020		Biến động	%
(ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG)			Trong đó: Nhóm công ty HNG		
Tài sản ngắn hạn	7.052	8.930	6.168	(1.878)	(21,0)
Tài sản dài hạn	11.388	28.335	19.734	(16.947)	(59,8)
Tổng tài sản	18.440	37.266	25.902	(18.826)	(50,5)

Tổng tài sản giảm so với năm 2020 là do trong năm 2021 Tập đoàn đã thanh lý các công ty con thuộc nhóm công ty HNG. Sau khi loại trừ số liệu Các công ty con thuộc nhóm công ty HNG trong số liệu năm 2020 thì tổng tài sản năm 2021 tăng 62% so với năm 2020, tương đương tăng 7.076 tỷ đồng, là do sau khi tái cấu trúc tinh gọn cơ cấu thì Tập đoàn đã tập trung đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh ở các công ty còn lại nhằm tạo đà tăng trưởng doanh thu trong tương lai.

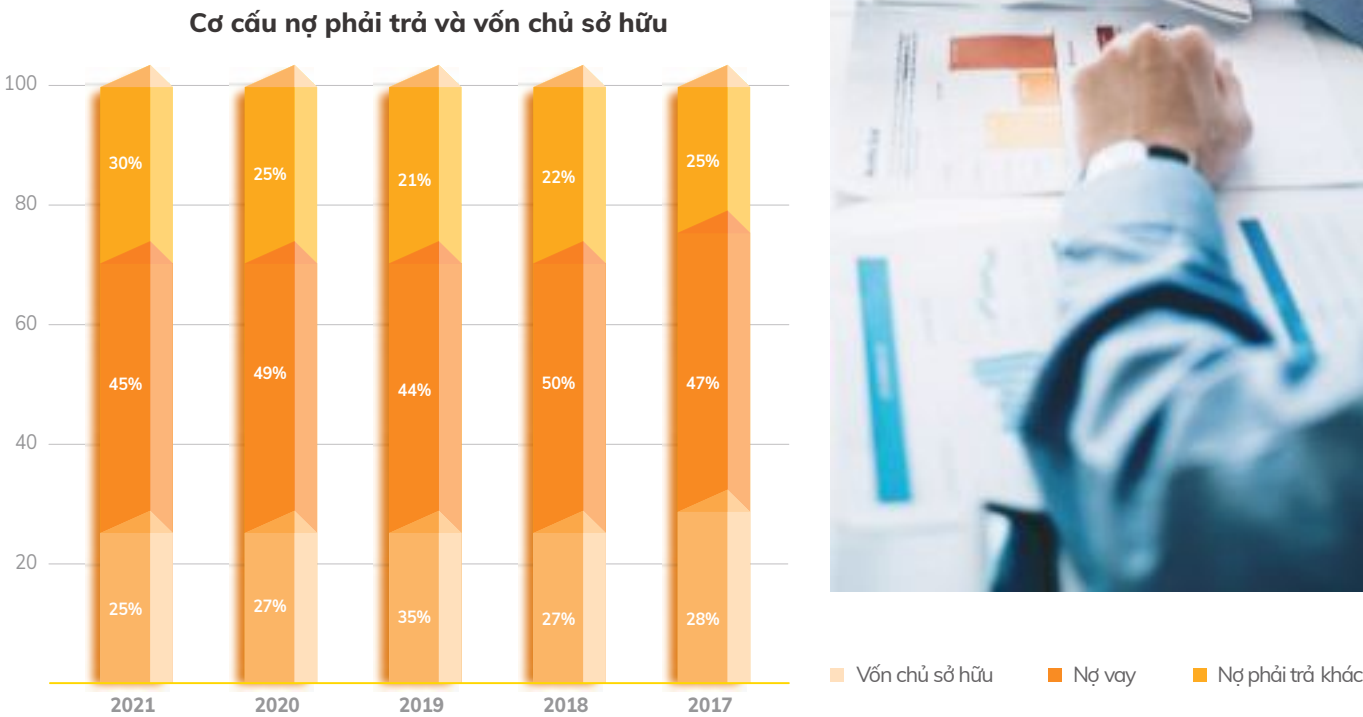
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả năm 2021 giảm 49,5% so với năm 2020, tương đương giảm 13.471 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020		Biến động	%
(ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG)			Trong đó: Nhóm công ty HNG		
Nợ ngắn hạn	6.755	15.429	10.912	(8.674)	(56,2)
Vay ngắn hạn	2.510	8.772	7.262	(6.262)	(71,4)
Nợ phải trả ngắn hạn khác	4.245	6.657	3.650	(2.412)	(36,2)
Nợ dài hạn	7.012	11.809	2.740	(4.797)	(40,6)
Vay dài hạn	5.777	9.331	2.002	(3.554)	(38,1)
Nợ phải trả dài hạn khác	1.235	2.478	738	(1.243)	(50,2)
Tổng nợ phải trả	13.767	27.238	13.652	(13.471)	(49,5)

Tổng nợ phải trả giảm do năm 2021 Tập đoàn thanh lý các Công ty con thuộc nhóm công ty HNG. Ngoài ra, trong năm Tập đoàn cũng đã trả bớt nợ vay nhằm giảm bớt áp lực cho Tập đoàn trong các năm sau.

Tổng nợ phải trả chiếm 75% tổng nguồn vốn của Tập đoàn trong năm 2021. Chi tiết cơ cấu vốn chủ sở hữu và nợ phải trả qua các năm như sau:





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

THÔNG TIN THÀNH VIÊN BKS

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2021)
1	Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	0,00% (Được bầu là Thành viên BKS ngày 26/06/2020 và bầu làm Trưởng BKS ngày 02/07/2020)
2	Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	0,00% (Được bầu là Thành viên BKS ngày 26/06/2020)
3	Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	0,00% (Được bầu là Thành viên BKS ngày 26/06/2020)

CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Đỗ Trần Thùy Trang	4/4	100%	100%
2	Ông Lê Hồng Phong	4/4	100%	100%
3	Ông Phạm Ngọc Châu	4/4	100%	100%

THÙ LAO VÀ THU NHẬP NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thành viên	Thù lao	Lương	Cộng
1	Bà Đỗ Trần Thùy Trang	86.400.000	521.160.077	607.560.077
2	Ông Lê Hồng Phong	64.800.000	-	64.800.000
3	Ông Phạm Ngọc Châu	64.800.000	245.878.077	310.678.077
Tổng cộng		216.000.000	767.038.154	983.038.154

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành, trong năm 2021, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã giám sát Hội đồng Quản trị “HĐQT”, Ban Tổng Giám đốc “BGĐ” theo các nội dung sau:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, theo đó BKS nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế, tham gia chất vấn và đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Đánh giá thông tin trong các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Tập đoàn được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với quy định hiện hành;
- Giám sát giao dịch giữa Tập đoàn với thành viên HĐQT, BGĐ, người điều hành khác của Tập đoàn và những người có liên quan; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên HĐQT, BGĐ, người điều hành khác của Tập đoàn là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch,
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Tập đoàn theo đúng quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1 GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2021

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Trong năm 2021, Tập đoàn đã hoàn tất việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xử lý lỗ lũy kế;
- Hoàn thành việc sửa đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;
- Kết quả kinh doanh năm 2021:** Năm 2021 trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, HĐQT, BGĐ đã nỗ lực hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được thông qua tại nghị quyết ĐHĐCĐ 2021.
- Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021:** Do Kết quả kinh doanh năm trước bị lỗ nên khoản Lợi nhuận năm 2021 ưu tiên bù lỗ các năm trước và không phân phối lợi nhuận.

2 KIỂM TRA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

BKS đã phối hợp với Phòng kế toán của Tập đoàn trong việc trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán, thiết lập các quy trình làm việc với kiểm toán độc lập và các vấn đề khác cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Theo đó, BKS đã tham gia tích cực vào quy trình phát hành báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cuối năm của Tập đoàn. BKS rà soát, phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính và thông báo kết quả soát xét đến HĐQT. Trong đó có nêu vấn đề cần nhấn mạnh sau:



- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản lỗ lũy kế của tập đoàn là 4.467.100.553 đồng. Ngoài ra tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.
- Theo giải trình của BGĐ, tại ngày lập Báo cáo tài chính Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ vay khi đến hạn và có thể tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, BGĐ Tập đoàn tiến hành lập Báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài vấn đề cần lưu ý trên, BKS đánh giá Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính năm được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

3 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Các giao dịch với các bên có liên quan trong năm 2021 đều được HĐQT phê duyệt phù hợp với thẩm quyền đã được ĐHĐCĐ thông qua và sẽ báo cáo kết quả tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

4 GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BGĐ

Trong năm 2021, BKS đã tham dự các cuộc họp của HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, theo đó BKS nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế và tình hình thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

BKS cũng đã thực hiện việc giám sát điều hành của BGĐ thông qua việc lập kế hoạch, thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Từ kết quả của các cuộc kiểm toán, BKS đã nêu nhiều ý kiến để BGĐ hoàn thiện hệ thống quản lý, hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

5 ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BGĐ

Trong quá trình giám sát hoạt động của Công ty, BKS đã được HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý cung cấp kịp thời các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

Không có yêu cầu kiểm tra hoặc khiếu nại nào từ Cổ đông.

6 LỰA CHỌN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BKS duy trì phối hợp với EY, các dịch vụ tư vấn khác không làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên độc lập trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

NĂM 2022

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhằm thực hiện nhiệm vụ của BKS theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS dự kiến kế hoạch thực hiện như sau:

Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ;

Giám sát việc quản lý và điều hành Tập đoàn của HĐQT và BGĐ;

Kiểm tra, đánh giá các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và năm;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn;

Giám sát giao dịch giữa Tập đoàn với thành viên HĐQT, BGĐ, người điều hành khác của Tập đoàn và những người có liên quan; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên HĐQT, BGĐ, người điều hành khác của Tập đoàn là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

Các vấn đề khác.



TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN
SẼ CHIA THÀNH QUẢ



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Ngày đăng ký cuối cùng 15/03/2022)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/VĐL (%)
1	Trong nước	53.555	919.118.465	99,10
1.1	Tổ chức	98	7.626.471	0,82
1.2	Cá nhân	53.457	911.491.994	98,28
2	Nước ngoài	559	8.349.482	0,90
2.1	Tổ chức	40	3.780.583	0,41
2.2	Cá nhân	519	4.568.899	0,49
Tổng cộng		54.114	927.467.947	100,00

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	319.950.533	34,50%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2021, Công ty không tăng vốn điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2021, Công ty không thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Ghi chú
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT - không điều hành	319.950.533	34,50	
2	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT			
3	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT - không điều hành	44.157	0,005	Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2021
4	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập HĐQT			
5	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	300.000	0,03	
6	Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập HĐQT	63.140	0,01	

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	16/16	100%	
2	Ông Võ Trường Sơn	16/16	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Minh	13/16	80%	Gửi đơn từ nhiệm thành viên HĐQT đến Công ty ngày 24/09/2021
4	Bà Võ Thị Huyền Lan	16/16	100%	
5	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	16/16	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Huyền	11/16	60%	Lý do cá nhân

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT TRONG NĂM 2021

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	2101/21/NQHĐQT-HAGL	21/01/2021	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
2	1103/21/NQHĐQT-HAGL	11/03/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
3	2403/21/NQHĐQT-HAGL	24/03/2021	Thông qua việc hủy ngày đăng ký cuối cùng và gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT
CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT TRONG NĂM 2021 (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	2903/21/QĐHĐQT-HAGL	29/03/2021	Thông qua việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc	100%
5	0705/21/NQHĐQT-HAGL	07/05/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
6	1005/21/NQHĐQT-HAGL	10/05/2021	Thông qua việc mua lại trước hạn Trái phiếu do Công ty phát hành	100%
7	0406/21/NQHĐQT-HAGL	04/06/2021	Thông qua việc hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
8	1706/21/NQHĐQT-HAGL	17/06/2021	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thư ký kiêm người phụ trách quản trị Công ty	100%
9	2906/21/NQHĐQT-HAGL	29/06/2021	Thông qua việc tiếp tục hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và lựa chọn công ty kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2021	100%
10	0607/21/NQHĐQT-HAGL	06/07/2021	Thông qua việc góp vốn thành lập công ty con tại tỉnh Kon Tum	100%
11	2207/21/NQHĐQT- HAGL	22/07/2021	Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
12	0208/21/NQHĐQT- HAGL	02/08/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
13	1509/21/NQHĐQT- HAGL	15/09/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
14	2409/21/NQHĐQT- HAGL	24/09/2021	Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Nguyễn Văn Minh	100%
15	2710/21/NQHĐQT- HAGL	27/10/2021	Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021	100%
16	0212/21/NQHĐQT- HAGL	02/12/2021	Thông qua việc ban hành bản sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; và thông qua mức thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Ban thư ký năm 2021	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ hiện hành và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban TGD một số nội dung chủ yếu như sau:

- Chỉ đạo thực hiện việc giảm nợ vay đối với các khoản nợ lãi suất cao, cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo quản lý hiệu quả và có khả năng tự cân đối tài chính cho từng dự án;
- Chỉ đạo thực hiện công tác thoái vốn khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai;
- Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Trung Quốc, bước đầu mở rộng sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore;
- Kiểm tra công tác quản lý, điều hành của Ban TGD để được thực hiện theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động trong Công ty;
- Giám sát, chỉ đạo việc công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.



Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng tới nhiều ngành nghề trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó, HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Ban TGD điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh kịp thời để đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định song song với việc tuân thủ công tác phòng, chống dịch bệnh.

Trên cơ sở đó, HĐQT đánh giá Ban TGD đã bám sát và thực hiện theo đúng chỉ đạo của HĐQT để ra, đồng thời Ban TGD tuân thủ đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN ĐIỀU HÀNH CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban TGD điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty.

Đa số thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và Thư ký Công ty đã tham gia khóa học và được cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo về Quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.



GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			(Số cổ phiếu)	(Tỷ lệ)	(Số cổ phiếu)	(Tỷ lệ)	
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	341.730.533	36,85%	319.950.533	34,5%	Bán
2	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT	2.870.057	0,31%	44.157	0,005%	Bán
3	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0%	300.000	0,03%	Mua
4	Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	145.159	0,02%	395.159	0,04%	Mua
5	Bà Đoàn Hoàng Anh - Người liên quan người nội bộ Đoàn Nguyên Đức		0	0%	8.000.000	0,96%	Mua

THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐANG ĐƯỢC HƯỞNG TẠI CÔNG TY TRONG NĂM 2021

Tổng mức thu nhập (bao gồm tiền lương và các khoản thù lao) của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021 được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 29 của Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán và Thuyết minh số 34 của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

HAGL luôn giữ phương châm công bố thông tin đầy đủ và kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư. Các thông tin công bố định kỳ như báo cáo tài chính, báo cáo công tác quản trị doanh nghiệp, báo cáo thường niên... luôn được Tập đoàn công bố đúng hạn theo luật định.

Bên cạnh đó, các hoạt động quan hệ nhà đầu tư khác cũng được chú trọng, cụ thể như:

Tổ chức gặp gỡ, trao đổi trực tiếp giữa lãnh đạo Tập đoàn với nhà đầu tư, các cổ đông.

Lắng nghe góp ý, tư vấn của cổ đông trong việc ngăn ngừa, xử lý khủng hoảng và các hoạt động có liên quan khác.

Chuẩn bị tài liệu cho báo chí, cho cổ đông tại đại hội đồng cổ đông.



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

Trong ngày 26/02/2022 vừa qua, HAGL tổ chức chuyến tham quan thực tế các dự án của Tập đoàn tại Gia Lai với sự tham gia của 26 cổ đông và một số nhà đầu tư. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức cùng Ban lãnh đạo Tập đoàn trực tiếp hướng dẫn các cổ đông, nhà đầu tư thăm vườn chuối, nhà máy chế biến chuối xuất khẩu, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và trang trại chăn nuôi heo ăn chuối. Sau chương trình tham quan, các cổ đông, nhà đầu tư đã có buổi tiếp xúc và trò chuyện thân mật với Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức qua đó giúp cho đoàn hiểu rõ hơn về tầm nhìn, chiến lược, định hướng kinh doanh của Tập đoàn trong thời gian tới.

Nhằm tri ân đồng thời kiểm nghiệm chất lượng heo ăn chuối Bapi trước khi tung ra thị trường, Chủ tịch HĐQT tập đoàn HAGL Đoàn Nguyên Đức quyết định gửi tặng cho 1.000 cổ đông mỗi người 4kg thịt heo tươi để dùng thử nhằm đánh giá sản phẩm.



QUẢN LÝ RỦI RO

1 RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Bản chất

Giá cả các sản phẩm nông nghiệp của Tập đoàn đều có liên thông với thị trường thế giới, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, và biến động hàng ngày, hàng giờ. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến mức lợi nhuận, dòng tiền và tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

Thị trường Trung Quốc đã và đang phát triển mạnh và có nhiều cơ hội, nhưng việc HAGL tập trung xuất khẩu vào một thị trường là tiềm ẩn rủi ro.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ để nâng cao năng suất, đảm bảo nhất quán chất lượng sản phẩm. Tập đoàn luôn kiểm soát, đảm bảo chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Vì vậy, biên độ lợi nhuận của các sản phẩm đầu ra đủ lớn để có thể duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Tập đoàn cũng sẽ từng bước đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tập trung vào những quốc gia có sức tiêu thụ cao để tránh rủi ro biến động giá của một thị trường.

2 RỦI RO TỶ GIÁ

Bản chất

Trong những năm gần đây, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng Nhà nước, vì vậy không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỷ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, để phòng các ảnh hưởng xấu khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra trong tương lai.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu là chủ yếu. Nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động hơn trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

Kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài đều được Tập đoàn tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất. Tập đoàn luôn giữ danh mục nợ phải trả phù hợp với cơ cấu dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh theo loại tiền tệ.

3 RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án. Tập đoàn sử dụng nhiều vốn vay ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ hiện nay có thể đánh giá mức rủi ro lãi suất là chấp nhận được cho năm 2021.

Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu thường, Tập đoàn còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi với lãi suất thấp từ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chi phí vốn của các khoản này thường ở mức thấp, được xác định trước và không bị ảnh hưởng lớn bởi biến động lãi suất.

4 RỦI RO PHÁP LÝ

Bản chất

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán... Các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Ngoài ra thị trường nông sản cũng bị chi phối bởi các rào cản thuế quan, kỹ thuật, môi trường và bảo hộ của các quốc gia nhập khẩu.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn xây dựng bộ phận pháp lý gồm các luật sư có bằng cấp và giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để kịp thời tham mưu cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận pháp lý còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng trong những giao dịch hằng ngày của Tập đoàn để hạn chế các rủi ro có liên quan.



5 CÁC RỦI RO PHI HỆ THỐNG KHÁC

Bản chất

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn với một hay nhiều rủi ro phi hệ thống khác, chẳng hạn như: dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn... Dù muốn hay không thì các rủi ro này vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn sẽ từng bước thí điểm áp dụng công nghệ cao trong dự báo thiên tai, dịch bệnh để có các biện pháp ứng phó chủ động.

Tập đoàn tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng ngành và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp cho từng loại rủi ro.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
XÂY ĐẮP TƯƠNG LAI



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Chung tay

VÌ XÃ HỘI TỐT ĐẸP HƠN



“Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn”
là chương trình trách nhiệm với cộng đồng của Tập đoàn được duy trì và triển khai liên tục trong nhiều năm qua, bao gồm việc ủng hộ các Quỹ người nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ chất độc màu da cam, quyên góp giúp người dân vùng bão lũ, tổ chức tặng quà Tết cho các gia đình khó khăn,...



Ngày 02 tháng 01 năm 2022 vừa qua, Bệnh viện ĐHYD Hoàng Anh Gia Lai kỷ niệm 10 năm chính thức mở cửa đón bệnh nhân đến khám, là đơn vị Y tế ngoài công lập đầu tiên của tỉnh Gia Lai chung tay xã hội hóa, chăm sóc sức khỏe người dân khu vực Tây Nguyên và hai nước bạn Lào, Campuchia. Hiện nay, Bệnh viện có hệ thống hơn 20 phòng khám chuyên khoa, 12 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, 7 phòng chức năng với hơn 400 nhân viên cơ hữu. Khám và điều trị cho hơn 2 triệu lượt, gần 120.000 bệnh nhân nội trú, 30.000 ca phẫu thuật thành công trong đó có nhiều kỹ thuật hiện đại, phức tạp. Chuyển giao và thực hiện rất nhiều ca mổ khó, kỹ thuật cao lần đầu tiên tại Gia Lai như mổ nội soi khớp gối, thay khớp háng nhân tạo, phẫu thuật cột sống - sọ não, cấp cứu bệnh nhân bị đột tử tim, đột quỵ, cắt gan, mổ nội soi tán sỏi ngược dòng qua lỗ tự nhiên... Bệnh viện cũng đã triển khai khám chữa bệnh BHYT cho gần 650.000 lượt. Khám chữa bệnh cho người ngoài tỉnh phần lớn là từ Kon Tum, Đắk Lắk, Bình Định gần 245.000 lượt, đặc biệt có khoảng 25.000 bệnh nhân đến từ Lào và Campuchia.



Hệ thống phòng Lab quy mô, hiện đại có thể thực hiện rất nhiều xét nghiệm giúp người bệnh không phải đi xa kiểm tra sức khỏe, tiết kiệm thời gian, công sức và tiền bạc. Đặc biệt, đây là một trong 3 cơ sở được cấp phép khẳng định kết quả RT PCR đối với Sars-CoV2 trên địa bàn Gia Lai.

Song song với công tác chuyên môn, Bệnh viện ĐHYD Hoàng Anh Gia Lai đã cùng với Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai thực hiện tốt chủ trương an sinh xã hội với hàng chục đợt khám chữa bệnh từ thiện, phát thuốc, tặng quà cho đồng bào các huyện nghèo trong tỉnh cũng như người dân Lào, Campuchia với giá trị ước tính gần 5 tỷ đồng.



Trong đại dịch COVID-19, Bệnh viện đã tập huấn và triển khai các biện pháp sàng lọc, diễn tập các tình huống nhằm ứng phó kịp thời với những khả năng phức tạp xảy ra. Đảm bảo an toàn cho bệnh nhân, khách hàng và nhân viên. Không những vậy, đội ngũ Y bác sĩ còn tham gia khám, tiêm chủng Vaccine Covid theo điều động từ Sở Y Tế, đồng hành cùng địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của Covid-19 tại Việt Nam nói chung và TP.HCM nói riêng, CLB HAGL cùng các đơn vị tài trợ, nhà hảo tâm ủng hộ 210 triệu đồng trao cho đội ngũ Y bác sĩ 3 bệnh viện tuyến đầu: Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới TP.HCM, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM. Bác sĩ Nguyễn Tri Thức, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy tâm sự: “Chúng tôi rất cảm động trước tấm lòng của các bạn. Đây là niềm động viên kịp thời giúp đội ngũ y tế của bệnh viện tiếp tục nỗ lực trong cuộc chiến chống lại đại dịch này”. Bên cạnh đó, CLB HAGL phối hợp cùng HLV Kiatisak tham gia ủng hộ đội ngũ Y bác sĩ Thái Lan chống dịch Covid-19 200 triệu đồng. Trước trận đấu tại vòng 11 V-League 2021, đại diện 2 CLB Thanh Hóa và HAGL đã đến thăm và tặng quà cho các em trẻ mồ côi, khuyết tật tại làng SOS Thanh Hóa với số tiền 236 triệu đồng trích từ tiền bán đấu giá áo đấu của Xuân Trường và tiền bán vé...

AN SINH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



HAGL luôn chú trọng xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực. Tập đoàn thực hiện trách nhiệm đối với người lao động chủ yếu dựa trên 3 yếu tố:

1 AN TOÀN, SỨC KHỎE

Ngoài việc tuân thủ chế độ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật, quy định về an toàn lao động, HAGL còn chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ chi phí điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai, miễn giảm chi phí đối với nhân viên đang công tác tại nước ngoài, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời và đầy đủ cho người lao động như chế độ bệnh tật, chế độ thai sản... Bên cạnh đó, Tập đoàn tổ chức các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy, sơ cứu - cấp cứu, an toàn lao động, vệ sinh - an toàn thực phẩm, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật...

Số lượng
nhân viên nữ chiếm

40%

Số lượng
quản lý là nữ

35%

2 ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG

Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. HAGL ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.

Hiện nay, số lượng nhân viên nữ chiếm 40%, số quản lý là nữ chiếm trên 35%.

3 CƠ HỘI PHÁT TRIỂN

Tại HAGL, công việc được sắp xếp, phân công sao cho phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức nỗ lực hết mình.

Tập đoàn luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm, Tập đoàn định kỳ tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ cho CBNV ở tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, y tế...; thường xuyên mở lớp huấn luyện sử dụng phần mềm thống kê, phần mềm kế toán, nhận thức tiêu chuẩn ISO 9001, Global GAP, Viet GAP, vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, đào tạo đánh giá nhân viên nội bộ, hướng dẫn vận hành an toàn máy móc - thiết bị tại các nhà máy và nông trường.

Đối với người lao động từ các địa phương xa đến làm việc tại các nông trường, HAGL xây dựng các công trình phục vụ người lao động tại dự án như: nhà ở công nhân, nhà vệ sinh công cộng, tổ chức xe đưa đón... nhằm giúp CBNV yên tâm công tác.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Nhận thức môi trường là nguồn tài nguyên quý giá của con người, từ nhiều năm qua, HAGL luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng, tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường sinh thái nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường...



TIÊU THỤ NƯỚC

HAGL sử dụng nguồn nước chủ yếu cho việc tưới tiêu cây trồng, nhà máy chế biến hoa quả... một cách tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế tối đa tác động xấu tới nguồn nước.

Ứng dụng hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel. Đây luôn là lựa chọn ưu tiên trong khâu tưới tiêu của các dự án nông nghiệp HAGL. Hệ thống này tiết kiệm 50 - 70% lượng nước tưới so với các hình thức tưới thông thường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

Tập đoàn đã giảm đáng kể lượng điện năng tiêu thụ trong các hoạt động vận hành nhà máy chế biến, xưởng sửa chữa, bơm nước, tưới nước bằng việc áp dụng các biện pháp thiết thực:

- Thay thế dần các loại dụng cụ và thiết bị cũ như bóng đèn dây tóc, đèn huỳnh quang... bằng loại bóng đèn LED.
- Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi đưa nước về các hồ chứa để tưới cho vườn cây.
- Sử dụng bình nước nóng năng lượng mặt trời.
- Phổ biến tới toàn thể CBNV các quy định về sử dụng tiết kiệm điện.



GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ tái chế
ống tưới hỏng lên đến

90%

Hệ thống tưới nhỏ giọt Israel giúp HAGL hạn chế tối đa dư lượng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm vào trong đất, góp phần giảm thiểu mức độ gây tác động xấu đến đất đai và mạch nước ngầm, cải tạo vi khí hậu khu tưới. Ngoài ra, hình thức tưới nhỏ giọt cũng không gây xói mòn, bạc màu...

Sử dụng các nguyên vật liệu có thể tái sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm:

- Tái sử dụng bao đựng phân bón để thu gom rác thực vật trong lô (như quả hỏng, cành, lá,...). Trong đó có 50% số bao được tái sử dụng.
- Ống nước tưới các loại (như ống PVC, ống HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới nước nhỏ giọt cho các vườn cây. Các ống tưới đã qua sử dụng bị đứt, gãy được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

- Việc đầu tư kinh doanh của Tập đoàn tuân thủ các quy định và luật về môi trường.
- Bộ phận Môi trường kiểm soát tốt các hoạt động sản xuất tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng.
- Ban hành Quy chế sử dụng hóa chất và tiến hành giám sát đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc hóa học.
- Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến các dự án.
- Duy trì hợp tác với Bureau Veritas - tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá và xác nhận nhằm thực hiện những cam kết hoạch định, phát triển và sản xuất kinh doanh bền vững hướng đến xây dựng, bảo vệ các giá trị cộng đồng và bảo tồn các giá trị thiên nhiên.





VUN ĐÁP GIÁ TRỊ
GIỮ VỮNG NIỀM TIN



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2021
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”), được lập vào ngày 24 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 65 đến trang 130 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập Đoàn có khoản lỗ lũy kế là 4.467.100.553 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4139-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.051.853.577	8.930.375.455
110	I. Tiền	5	78.298.037	97.151.198
111	1. Tiền		78.298.037	97.151.198
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.535.652.693	6.410.638.635
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	553.790.175	4.075.221.471
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	147.090.473	109.143.346
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	6.516.258.180	4.186.477.204
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	785.572.698	563.738.589
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(1.467.058.833)	(2.523.941.975)
140	III. Hàng tồn kho	10	410.031.564	2.347.965.565
141	1. Hàng tồn kho		413.734.969	2.423.112.551
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.703.405)	(75.146.986)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.871.283	74.620.057
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	7.124.641	11.353.928
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	17.611.524	60.705.339
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	3.135.118	2.560.790
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.387.831.414	28.335.444.096
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.958.712.989	2.295.094.417
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.452.838.426	1.782.648.474
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	649.545.621	514.915.299
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(143.671.058)	(2.469.356)
220	II. Tài sản cố định		2.809.669.569	12.626.270.334
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.686.778.608	12.104.977.632
222	Nguyên giá		3.518.323.463	15.165.372.700
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(831.544.855)	(3.060.395.068)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	122.890.961	521.292.702
228	Nguyên giá		145.540.126	550.664.610
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.649.165)	(29.371.908)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	62.606.294	65.237.146
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.469.537)	(8.838.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.495.149.075	12.006.780.151
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	3.495.149.075	12.006.780.151
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	1.778.826.680	277.318.516
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		-	266.193.865
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.781.156.721	11.124.651
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.330.041)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		282.866.807	1.064.743.532
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	271.900.161	353.396.829
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	10.966.646	85.724.272
269	3. Lợi thế thương mại	18	-	625.622.431
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.439.684.991	37.265.819.551



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.766.451.651	27.238.024.092
310	I. Nợ ngắn hạn		6.754.505.795	15.428.980.447
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	359.479.015	1.474.036.885
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	528.938.858	633.729.744
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	7.155.321	32.844.475
314	4. Phải trả người lao động		98.870.565	175.795.782
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	3.088.705.929	2.864.427.371
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		81.818	409.091
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	161.601.224	1.475.782.291
320	8. Vay ngắn hạn	24	2.509.569.555	8.771.851.298
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		7.011.945.856	11.809.043.645
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	653.649.038	1.173.684.620
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	65.398.026	454.179.120
338	3. Vay dài hạn	24	5.776.845.065	9.330.999.170
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	510.611.231	844.467.369
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.442.496	5.713.366
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.673.233.340	10.027.795.459
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.673.233.340	10.027.795.459
411	1. Vốn cổ phần	25.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	-	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	(602.619.336)	(1.440.136.262)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	282.410.699	282.410.699
421	6. Lỗ lũy kế	25.1	(4.467.100.553)	(6.301.662.837)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(4.670.130.714)	(5.046.001.493)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) năm nay		203.030.161	(1.255.661.344)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	186.549.700	4.949.332.245
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.439.684.991	37.265.819.551


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.187.415.636	3.189.964.886
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(89.997.270)	(13.318.930)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.097.418.366	3.176.645.956
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(1.590.448.139)	(2.970.915.613)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		506.970.227	205.730.343
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	735.078.612	1.287.363.665
22	7. Chi phí tài chính	30	(1.090.293.038)	(1.318.161.483)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(971.878.185)	(1.253.570.666)
24	8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết		(5.819.760)	8.767.467
25	9. Chi phí bán hàng	31	(129.287.166)	(354.584.206)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	174.279.229	(1.851.240.106)
30	11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		190.928.104	(2.022.124.320)
31	12. Thu nhập khác	32	79.670.972	98.148.465
32	13. Chi phí khác	32	(401.205.709)	(427.484.407)
40	14. Lỗ khác	32	(321.534.737)	(329.335.942)
50	15. Lỗ kế toán trước thuế		(130.606.633)	(2.351.460.262)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(885.768)	(3.440.989)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.2	259.098.512	(28.438.599)
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		127.606.111	(2.383.339.850)
61	19. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ		203.030.161	(1.255.661.344)
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(75.424.050)	(1.127.678.506)
70	21. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	219	(1.354)
71	22. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	219	(1.354)


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Table with 5 columns: Mã số, CHỈ TIÊU, Thuyết minh, Năm nay, Năm trước. It contains financial data categorized into three main sections: I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, and III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.

Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Table with 4 columns: Tên công ty con, Trụ sở, Tình trạng hoạt động, Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết. It lists subsidiaries and branches across different sectors like agriculture, construction, and services.

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.565 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.313).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 4.467.100.553 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 24. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây chuối	Vườn cây mít	Vườn cây xoài
	(i)	(ii)	(iii)
Năm thứ 1	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11		5,80	5,80
Năm thứ 12		5,80	5,80
Năm thứ 13		5,80	5,80
Năm thứ 14		5,80	5,80
Năm thứ 15		5,80	5,80
Năm thứ 16		4,70	5,80
Năm thứ 17		4,70	5,80
Năm thứ 18		4,70	5,80
Năm thứ 19		4,70	5,80
Năm thứ 20		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn cây xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- Chi phí dự án chăn nuôi.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thanh lý Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”)

Từ ngày 4 tháng 1 đến ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất bán 28.205.675 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 37,75%. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 168.032.061 ngàn VND được nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh “TM” số 25.1).

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị HNG đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Trường Hải (“THAGRICO”) trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày mất quyền kiểm soát, Tập đoàn đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần lãi đã được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của các năm trước, liên quan đến các giao dịch vốn trước đây đối với các cổ đông không kiểm soát đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG mà không làm mất quyền kiểm soát với số tiền là 1.013.165.414 ngàn VND (TM số 25.1).

Bên cạnh đó, từ ngày 12 tháng 1 đến ngày 4 tháng 6 năm 2021, Công ty đã tiếp tục bán 240.275.165 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 37,75% xuống còn 16,07% và HNG được trình bày như là một khoản đầu tư khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (TM số 16.2).

Theo đó, số tiền lãi thuần với giá trị là 240.752.906 ngàn VND từ toàn bộ việc thanh lý trên được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (TM số 28.2).

4.2 Mua thêm phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai (“Hưng Thắng Lợi”)

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Hưng Thắng Lợi, công ty con trong Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Heygo với giá trị là 124.645.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 78,22% lên 82,67% tại ngày này.

Tiếp theo vào ngày 7 tháng 12 năm 2021, Công ty đã mua thêm 15,33% phần vốn góp trong Hưng Thắng Lợi, công ty con trong Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Lê Me và Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên với tổng giá trị là 387.500.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 82,67% lên 98% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi vào ngày giao dịch là 627.818.284 ngàn VND được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.3 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai (“Thể Thao HAGL”)

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty Hưng Thắng Lợi và Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai đã mua thêm 5.600.000 cổ phần được phát hành mới theo trong Thể Thao HAGL, công ty con trong Tập đoàn, với giá trị là 30.769.616 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Thể Thao HAGL tăng từ 51,00% lên 99,81% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Thể Thao HAGL vào ngày giao dịch là 157.890.024 ngàn VND được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.4 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.



5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.616.001	14.090.804
Tiền gửi ngân hàng	72.682.036	83.060.394
TỔNG CỘNG	78.298.037	97.151.198

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	336.603.792	608.643.802
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	176.271.018	2.719.615.892
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.271.018	176.576.000
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	2.350.000.000
- Các khách hàng khác	-	193.039.892
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	36.967.957	741.883.015
Trong đó:		
- Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay	-	707.578.103
- Các khách hàng khác	36.967.957	34.304.912
Phải thu khác	3.947.408	5.078.762
TỔNG CỘNG	553.790.175	4.075.221.471
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(66.752.042)	(47.861.216)
GIÁ TRỊ THUẦN	487.038.133	4.027.360.255
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	413.715.144	4.036.303.951
Phải thu các bên liên quan (TM số 34)	140.075.031	38.917.520

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	47.861.216	93.608.502
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	42.126.541	22.912.930
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(65.165.581)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.867.281)	(3.494.635)
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	(16.368.434)	-
Số cuối năm	66.752.042	47.861.216

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	129.190.217	94.404.315
Trong đó:		
- Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	62.098.512	7.055.503
- Công ty TNHH T.B.Y.B Angkor Banana	19.609.076	19.609.076
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	-	12.919.700
- Các nhà cung cấp khác	47.482.629	54.820.036
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	17.900.256	14.241.176
Trả trước cho người bán khác	-	497.855
TỔNG CỘNG	147.090.473	109.143.346
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.804.538)	(24.753.411)
GIÁ TRỊ THUẦN	137.285.935	84.389.935
Trong đó:		
Trả trước các bên thứ ba	134.517.246	85.889.895
Trả trước các bên liên quan (TM số 34)	12.573.227	23.253.451

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.753.411	2.299.803
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	9.804.538	24.753.411
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(23.253.451)	-
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	(1.499.960)	-
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(2.299.803)
Số cuối năm	9.804.538	24.753.411



8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	6.397.342.577	3.781.246.179
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	118.915.603	405.231.025
	6.516.258.180	4.186.477.204
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	2.363.749.852	1.363.307.997
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	16.983.365	17.230.477
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	72.105.209	402.110.000
	2.452.838.426	1.782.648.474
TỔNG CỘNG	8.969.096.606	5.969.125.678
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(1.392.199.669)	(2.305.282.094)
GIÁ TRỊ THUẦN	7.576.896.937	3.663.843.584

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.305.282.094	4.181.066.564
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	132.005.492	1.639.326.233
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.045.087.917)	-
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(3.511.390.703)
Trừ: Xóa sổ trong năm	-	(3.720.000)
Số cuối năm	1.392.199.669	2.305.282.094
Trong đó:		
Ngắn hạn	1.291.672.984	2.305.282.094
Dài hạn	100.526.685	-

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80%/năm đến 12,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 10,50%/năm đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cần trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc đầu năm và cuối năm (USD)	748.826	748.826
Nợ gốc cuối năm (Ngàn VND)	16.983.365	17.230.477

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay	256.354.007	149.701.808
Cho các công ty mượn	489.961.800	340.705.172
Tạm ứng cho nhân viên	34.676.282	56.520.295
Phải thu ngắn hạn khác	4.580.609	16.811.314
	785.572.698	563.738.589
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (*)	440.000.000	440.000.000
Phải thu lãi cho vay	206.136.867	71.044.947
Phải thu dài hạn khác	3.408.754	3.870.352
	649.545.621	514.915.299
TỔNG CỘNG	1.435.118.319	1.078.653.888
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(141.973.642)	(148.514.610)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.293.144.677	930.139.278
Trong đó:		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 34)	639.457.496	489.633.305
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)	480.605.940	201.218.629
Phải thu các bên thứ ba	315.054.883	387.801.954

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	148.514.610	871.402.471
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	119.320.172	28.590.567
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(600.132.788)
Trừ: Xóa sổ trong năm	(6.639.117)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(119.222.023)	(151.345.640)
Số cuối năm	141.973.642	148.514.610
Trong đó:		
Ngắn hạn	98.829.269	146.045.254
Dài hạn	43.144.373	2.469.356

(*) Khoản này thể hiện phần vốn góp kinh doanh cho Công ty Cổ phần Lê Me (“Lê Me”) theo HĐHTKD ký ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Lê Me trong bốn (4) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu. HĐHTKD này đang được dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu thường tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TM số 24).

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	260.560.576	1.967.180.717
Trong đó:		
- Chăn nuôi	201.590.330	10.479.073
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	54.006.258	1.078.419.250
- Hợp đồng xây dựng	4.963.988	878.282.394
Nguyên vật liệu	90.109.454	322.805.041
Hàng hóa	55.327.304	55.173.276
Thành phẩm	4.481.660	64.167.607
Công cụ, dụng cụ	3.255.975	9.513.608
Hàng đi đường	-	4.272.302
TỔNG CỘNG	413.734.969	2.423.112.551
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.703.405)	(75.146.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	410.031.564	2.347.965.565

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	75.146.986	21.572.100
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.703.405	65.003.415
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	(75.146.986)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(11.428.529)
Số cuối năm	3.703.405	75.146.986

- (i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 24).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi
				Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.726.429.032	734.033.551	2.151.362.743	6.999.458	9.485.587.579
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	524.382.800	186.406	23.057.451	-	-
Mua mới trong năm	32.043.143	51.373.201	29.805.798	939.424	-
Chênh lệch tỷ giá	(74.383.167)	(263.209)	(19.596.678)	-	(139.037.193)
Thanh lý	(61.720.212)	(11.198.044)	(6.873.968)	(31.990)	(289.003.199)
Thanh lý công ty con	(1.419.601.094)	(492.095.129)	(1.894.126.486)	(3.205.570)	(27.595.886)
Số cuối năm	1.727.150.502	282.036.776	283.628.860	4.701.322	3.518.323.463
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	9.407.565	30.357.139	25.315.816	3.112.292	18.566.116
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(697.875.858)	(380.657.455)	(770.586.757)	(5.581.987)	(40.257.871)
Khấu hao trong năm	(67.866.619)	(19.762.450)	(19.512.632)	(237.613)	(1.887.922)
Chênh lệch tỷ giá	18.695.218	189.190	4.306.771	-	25.771.974
Thanh lý	50.492.979	5.026.566	2.291.573	533	235.556
Thanh lý công ty con	339.317.262	247.315.783	672.197.827	2.081.892	11.888.575
Số cuối năm	(357.237.018)	(147.888.366)	(111.303.218)	(3.737.175)	(831.544.855)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.028.553.174	353.376.096	1.380.775.986	1.417.471	12.104.977.632
Số cuối năm	1.369.913.484	134.148.410	172.325.642	964.147	2.686.778.608
Trong đó:					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24 và 35)	977.946.830	134.148.410	172.325.642	111.893	2.137.131.061

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	528.166.821	22.497.789	550.664.610
Thanh lý công ty con	(399.144.484)	(5.980.000)	(405.124.484)
Số cuối năm	129.022.337	16.517.789	145.540.126
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	5.211.223	5.211.223
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(13.790.982)	(15.580.926)	(29.371.908)
Hao mòn trong năm	(3.470.212)	(1.413.321)	(4.883.533)
Thanh lý công ty con	11.107.943	498.333	11.606.276
Số cuối năm	(6.153.251)	(16.495.914)	(22.649.165)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	514.375.839	6.916.863	521.292.702
Số cuối năm	122.869.086	21.875	122.890.961
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24 và 35)	122.869.086	21.875	122.890.961

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(3.696.971)	(5.141.714)	(8.838.685)
Khấu hao và hao mòn trong năm	(739.394)	(1.891.458)	(2.630.852)
Số cuối năm	(4.436.365)	(7.033.172)	(11.469.537)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.375.051	41.862.095	65.237.146
Số cuối năm	22.635.657	39.970.637	62.606.294
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24)	22.635.657	39.970.637	62.606.294

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.339.779	1.884.188
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.630.852	2.630.853

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	2.365.989.272	5.851.200.071
Dự án chăn nuôi	938.358.956	1.278.472.390
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	99.599.782	586.646.031
Chi phí phát triển vườn cây cao su	-	2.479.307.092
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	-	1.704.361.699
Khác	91.201.065	106.792.868
TỔNG CỘNG	3.495.149.075	12.006.780.151

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 16.164.187 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 424.724.454 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	-	266.193.865
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.781.156.721	11.124.651
TỔNG CỘNG	1.781.156.721	277.318.516
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.330.041)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	1.778.826.680	277.318.516

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	-	-	49,14	258.583.426
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	7.610.439
TỔNG CỘNG			-		266.193.865

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Ngàn VND
	Giá trị
Giá gốc đầu tư	
Số đầu năm	267.353.911
Thanh lý trong năm	(262.353.911)
Số cuối năm	5.000.000
Phần lãi/(lỗ) lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm	(1.160.046)
Thanh lý trong năm	1.979.806
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(5.819.760)
Số cuối năm	(5.000.000)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	266.193.865
Số cuối năm	-

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào các các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	16,07	1.772.626.680	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn quả	-	-	15,00	2.594.610
TỔNG CỘNG			1.781.156.721		11.124.651
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(2.330.041)		-
GIÁ TRỊ THUẦN			1.778.826.680		11.124.651

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.570.321	8.364.959
Chi phí khác	3.554.320	2.988.969
	7.124.641	11.353.928
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi	110.024.320	-
Chi phí khai hoang	124.639.291	249.358.743
Công cụ, dụng cụ	22.449.231	24.797.811
Tiền thuê đất	10.473.443	67.758.782
Chi phí thuê văn phòng	-	4.982.444
Chi phí khác	4.313.876	6.499.049
	271.900.161	353.396.829
TỔNG CỘNG	279.024.802	364.750.757

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND		
	Lợi thế thương mại phát sinh từ mua các công ty con		
	Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.979.339	1.072.826.621	1.127.805.960
Thanh lý trong năm	(54.979.339)	-	(54.979.339)
Số cuối năm	-	1.072.826.621	1.072.826.621
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(31.053.205)	(471.130.324)	(502.183.529)
Phân bổ trong năm	-	(601.696.297)	(601.696.297)
Thanh lý trong năm	31.053.205	-	31.053.205
Số cuối năm	-	(1.072.826.621)	(1.072.826.621)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.926.134	601.696.297	625.622.431
Số cuối năm	-	-	-

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	317.277.378	1.414.093.688
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	59.671.882	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	292.855.814
- Các nhà cung cấp khác	257.605.496	1.121.237.874
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	33.473.380	21.919.095
Phải trả nhà thầu xây dựng	8.728.257	31.852.961
Phải trả người bán khác	-	6.171.141
TỔNG CỘNG	359.479.015	1.474.036.885
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	220.748.397	1.356.262.115
Phải trả các bên liên quan (TM số 34)	138.730.618	117.774.770

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 34)	313.861.430	-
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	215.077.428	633.729.744
- Công ty Cổ Phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	162.680.988	162.680.988
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	282.843.456
- Các khách hàng khác	52.396.440	188.205.300
TỔNG CỘNG	528.938.858	633.729.744

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	60.705.339	97.713.619	(140.807.434)	17.611.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	293.370	-	(285.831)	7.539
Thuế khác	2.267.420	968.261	(108.102)	3.127.579
TỔNG CỘNG	63.266.129	98.681.880	(141.201.367)	20.746.642
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	22.593.419	885.768	(22.847.669)	631.518
Thuế thu nhập cá nhân	9.242.675	12.901.911	(18.779.425)	3.365.161
Thuế giá trị gia tăng	741.923	86.045.097	(83.684.695)	3.102.325
Thuế khác	266.458	5.396.479	(5.606.620)	56.317
TỔNG CỘNG	32.844.475	105.229.255	(130.918.409)	7.155.321

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.065.930.895	2.570.677.644
Chi phí hoạt động	1.534.315	160.401.645
Chi phí khác	21.240.719	133.348.082
	3.088.705.929	2.864.427.371
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	653.649.038	1.173.684.620
TỔNG CỘNG	3.742.354.967	4.038.111.991

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	111.183.498	1.237.044.380
Phải trả các cá nhân khác	1.276.235	3.958.621
Phải trả về hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”)	-	104.112.630
Phải trả tiền thuê đất	-	74.761.454
Khác	49.141.491	55.905.206
	161.601.224	1.475.782.291
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	65.398.026	335.560.739
Phải trả tiền thuê đất	-	118.618.381
	65.398.026	454.179.120
TỔNG CỘNG	226.999.250	1.929.961.411
Trong đó:		
Phải trả dài hạn các bên thứ ba	208.884.310	1.455.779.809
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)	18.114.940	237.823.684
Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 34)	-	236.357.918

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

24. VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 24.2)	1.293.017.564	872.245.035
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.3)	704.681.572	1.194.476.648
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.1)	511.870.419	1.467.713.308
Vay ngắn hạn bên khác	-	5.122.729.858
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân	-	114.686.449
	2.509.569.555	8.771.851.298
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 24.2)	5.142.773.631	6.726.624.401
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.3)	497.175.885	2.528.363.183
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 24.4)	136.895.549	76.011.586
	5.776.845.065	9.330.999.170
TỔNG CỘNG	8.286.414.620	18.102.850.468

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	8.771.851.298	9.330.999.170	18.102.850.468
Tiền thu từ đi vay	1.324.780.508	134.214.163	1.458.994.671
Chuyển từ các khoản phải trả	-	68.347.023	68.347.023
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.188.272	11.579.907	13.768.179
Vay dài hạn đến hạn trả	1.172.026.268	(1.172.026.268)	-
Chênh lệch tỷ giá	6.785.486	25.805.847	32.591.333
Giảm do thanh lý công ty con	(7.261.758.260)	(2.002.074.777)	(9.263.833.037)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.506.304.017)	(620.000.000)	(2.126.304.017)
Số cuối năm	2.509.569.555	5.776.845.065	8.286.414.620

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 25 tháng 5 năm 2021	499.998.646	Ngày 27 tháng 12 năm 2022	8,60 - 9,10	150.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak				
Khoản vay ngày 17 tháng 12 năm 2021	9.914.824	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	10,00	Quyền sử dụng đất (6,83 ha) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”), Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 10 tháng 5 năm 2021	1.956.949	Ngày 30 tháng 4 năm 2022	7,80	Máy móc thiết bị, một phần các phương tiện vận tải, và các công trình khác Bệnh viện HAGL.
TỔNG CỘNG	511.870.419			

24.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BSC”)	5.876.000.000	5.876.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (“TPBank”)	300.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“ACBS”)	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (“HDBS”)	-	930.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	-	200.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(40.208.805)	(57.130.564)
TỔNG CỘNG	6.435.791.195	7.598.869.436
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	5.142.773.631	6.726.624.401
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	1.293.017.564	872.245.035

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13, 14 và 16)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2021: 7,53 - 8,60)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh-Quang Minh làm chủ sở hữu, 9.231,6 ha (trồng cao su), 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sử dụng và khai thác 5.357 ha cọ dầu trên diện tích đất 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Dong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,7 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH C.R.D; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG do Chủ tịch HĐQT nắm giữ; Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc Bệnh viện HAGL; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc Tập đoàn; 16,5 ha chuối trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc Tập đoàn; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián tọa lạc tại Đà Nẵng thuộc Tập đoàn; 13.310.000 cổ phiếu HNG và 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty.
Chi phí phát hành trái phiếu		(38.224.069)				
TỔNG CỘNG		5.837.775.931				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		4.644.191.179				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		1.193.584.752				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Tập đoàn cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với tổng giá trị là 1.759.213.821 ngàn VND. Tập đoàn đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 9,11,12,14, và 16)
TPBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	300.000.000	Lãi suất áp dụng cho 6 tháng đầu tiền kể từ Ngày phát hành là 10,00%/năm. Lãi suất điều chỉnh bằng tổng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân cao nhất kỳ hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 3,50 (2021: 9,45 - 10,00)	Ngày 28 tháng 10 năm 2024	Thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn	50.000.000 cổ phiếu HAG thuộc quyền sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có số Giấy chứng nhận BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; 14.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Quý; và Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng 0809/2020/HTDTKD/HTGL-LEME giữa Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai và Công ty Cổ phần Le Me
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2021: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Chi phí phát hành trái phiếu		(1.984.736)				
TỔNG CỘNG		598.015.264				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		498.582.452				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		99.432.812				

24.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương (“Eximbank”)	637.790.252	711.277.743
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (“Ngân hàng Lào - Việt”) - Chi nhánh Attapeu	268.686.489	1.025.470.346
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (“TPBank”)	192.000.000	242.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”)	103.380.716	512.454.605
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	-	1.231.637.137
TỔNG CỘNG	1.201.857.457	3.722.839.831
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	704.681.572	1.194.476.648
Vay dài hạn	497.175.885	2.528.363.183

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Eximbank				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	413.840.471	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìà đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	223.949.781	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìà đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
TỔNG CỘNG	637.790.252			
Trong đó:				
Vay dài hạn	308.300.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	329.490.252			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 179 tỷ VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay	268.686.489	Ngày 23 tháng 6 năm 2022	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channousit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	268.686.489			
TPBank - Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay	192.000.000	Từ 21 tháng 10 năm 2022 đến 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 3,50 (2021: 9,45 – 10,00)	Các tài sản phát sinh từ phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng với giá trị 12.000.000 USD; và Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440736, BY 440744, BY 440746 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.
Trong đó:				
Vay dài hạn	96.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	96.000.000			

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

108 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN HAGL 2021



25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm trước	Ngàn VND					Lũy kế	Tổng cộng
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(424.458.674)	281.668.774	(4.766.207.329)	7.628.854.385
Lũy thừa trong năm	-	-	-	-	-	(1.255.661.344)	(1.255.661.344)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.067.799.291)	-	-	(1.067.799.291)
Thù lao HĐQT, BKS và thư ký	-	-	-	-	-	(483.512)	(483.512)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	741.925	(741.925)	-
Phân chia lợi nhuận của công ty con	-	-	-	-	-	(2.228.668)	(2.228.668)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(276.340.059)	(276.340.059)
Thanh lý công ty con	-	-	-	52.121.703	-	-	52.121.703
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214
Năm nay							
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	203.030.161	203.030.161
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(415.520.163)	-	-	(415.520.163)
Chi thù lao HĐQT và Ban Giám đốc	-	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Sử dụng thặng dư vốn để cấp trừ lỗ lũy kế (i)	-	(3.263.858.784)	-	-	-	3.263.858.784	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát (TM số 4.1, 4.2 và 4.3)	-	-	-	-	-	(617.676.247)	(617.676.247)
Thanh lý công ty con	-	-	-	1.253.037.089	-	(1.013.165.414)	239.871.675
Số cuối năm	9.274.679.470	-	(686.640)	(602.619.336)	282.410.699	(4.467.100.553)	4.486.683.640

(i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 1609/21/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 16 tháng 9 năm 2021, các cổ đông của Tập đoàn đã thông qua việc sử dụng thặng dư vốn để cấp trừ lỗ lũy kế với tổng giá trị là 3.263.858.784 ngàn VND.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu phổ thông	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
Cổ phiếu phổ thông	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
Cổ phiếu phổ thông	68.664	68.664

26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.949.332.245	4.122.902.838
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	514.446.908	1.566.478.912
Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	55.000	-
Mua các công ty con	-	283.185.640
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(75.424.050)	(1.127.678.506)
Thanh lý công ty con	(5.201.860.403)	107.301.119
Khác	-	(2.857.758)
Số cuối năm	186.549.700	4.949.332.245

27. LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) cơ bản và lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	203.030.161	(1.255.661.344)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	927.399.283
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	219	(1.354)
- Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	219	(1.354)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	2.187.415.636	3.189.964.886
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.092.323.976	2.290.134.596
Doanh thu bán heo	557.570.467	121.162.500
Doanh thu bán hàng hóa	317.660.813	107.178.304
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	217.079.648	405.779.249
Doanh thu bán mủ cao su	-	265.494.259
Doanh thu khác	2.780.732	215.978
Khoản giảm trừ	(89.997.270)	(13.318.930)
Giảm giá hàng bán	(89.997.270)	(13.318.930)
Doanh thu thuần	2.097.418.366	3.176.645.956
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.003.599.185	2.283.093.783
Doanh thu bán heo	557.570.406	121.162.500
Doanh thu bán hàng hóa	317.660.818	40.112.617
Doanh thu cung cấp dịch vụ	215.807.224	466.392.018
Doanh thu bán mủ cao su	-	265.494.259
Doanh thu khác	2.780.733	390.779
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	1.461.630.719	3.085.163.910
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 34)	635.787.647	91.482.046

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	490.847.799	567.798.415
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 4.1)	240.752.906	660.318.317
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.736.874	58.063.704
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.488.773	1.162.595
Thu nhập cổ tức	79.956	-
Khác	172.304	20.634
TỔNG CỘNG	735.078.612	1.287.363.665
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 34)	469.372.866	554.388.542
Doanh thu với các bên thứ ba	265.705.746	732.975.123

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán trái cây	695.991.763	2.019.560.189
Giá vốn heo	364.662.397	114.349.447
Giá vốn hàng hóa	315.571.923	61.541.937
Giá vốn dịch vụ	211.407.412	392.254.542
Giá vốn mũ cao su	-	376.531.186
Giá vốn khác	2.814.644	6.678.312
TỔNG CỘNG	1.590.448.139	2.970.915.613

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	971.878.185	1.253.570.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	105.764.243	189.644.953
Chi phí lãi HĐHTKD	1.759.669	16.172.109
Hoàn nhập các chi phí tài chính khác	-	(155.818.739)
Khác	10.890.941	14.592.494
TỔNG CỘNG	1.090.293.038	1.318.161.483

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.959.970	334.042.538
Chi phí lương nhân viên	3.475.749	11.239.055
Chi phí khấu hao và hao mòn	481.499	2.853.664
Chi phí khác	4.369.948	6.448.949
	129.287.166	354.584.206
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	601.696.297	157.929.000
Chi phí lương nhân viên	76.497.818	144.305.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.087.248	46.381.182
Chi phí khấu hao	8.505.956	17.983.621
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	(891.173.929)	1.425.324.428
Chi phí khác	3.107.381	59.316.300
	(174.279.229)	1.851.240.106
TỔNG CỘNG	(44.992.063)	2.205.824.312

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản	35.896.990	-
Hoàn nhập các khoản trích trước	-	26.924.870
Thu nhập khác	43.773.982	71.223.595
	79.670.972	98.148.465
Chi phí khác		
Chi phí chuyển đổi vườn cây	293.716.472	56.168.520
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	25.274.918	62.455.980
Chi phí xóa sổ TSCĐ	14.456.054	63.464.100
Các khoản phạt	9.655.180	30.101.552
Lỗ thanh lý tài sản	-	184.949.729
Các khoản khác	58.103.085	30.344.526
	401.205.709	427.484.407
LỖ KHÁC	(321.534.737)	(329.335.942)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2020: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	885.768	3.440.989
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(259.098.512)	28.438.599
TỔNG CỘNG	(258.212.744)	31.879.588

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập/(lỗ) chịu thuế khác với lợi nhuận/(lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(130.606.633)	(2.351.460.262)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lỗ kế toán:		
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	601.696.297	157.929.000
Các khoản lỗ từ các công ty con	348.765.383	1.733.734.243
Lỗ (lãi) từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	222.169.717	(476.321.574)
Mức trần chi phí lãi vay (*)	121.964.254	279.551.379
Lỗ chưa thực hiện trên hợp nhất	41.935.443	10.040.074
Lỗ/(lãi) từ các công ty liên kết	5.819.760	(8.767.467)
Chi phí lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	3.472.151	129.860.293
Cấn trừ lỗ năm trước	(574.015.223)	(224.242.016)
Dự phòng các khoản đầu tư	(588.288.263)	(171.828.441)
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(316.221.485)	(134.603.088)
Các khoản chi phí không được trừ và các khoản khác	271.212.161	1.072.055.261
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	7.903.562	15.947.402
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	1.320.285	3.439.878
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(434.517)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	885.768	3.440.989
Thuế TNDN phải trả đầu năm	22.300.049	19.677.263
Thanh lý công ty con	(20.356.074)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.205.764)	(818.203)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	623.979	22.300.049
Trong đó:		
Thuê TNDN phải trả (TM số 21)	631.518	22.593.419
Thuê TNDN trả trước (TM số 21)	(7.539)	(293.370)

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/ NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm mà vượt 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay thuần và chi phí khấu hao trong năm.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

Ngàn VND				
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	10.966.646	85.724.272	(74.757.626)	11.195.863
	10.966.646	85.724.272	(74.757.626)	11.195.863
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	510.611.231	583.360.502	(72.749.271)	-
Dự phòng các khoản đầu tư	-	141.070.733	(141.070.733)	30.809.890
Chi phí lãi vay vốn hóa trên khía cạnh hợp nhất	-	120.036.134	(120.036.134)	8.824.572
	510.611.231	844.467.369	(333.856.138)	39.634.462
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại			(259.098.512)	28.438.599

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Cho vay	1.088.916.833	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	390.763.153	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	220.463.403	-
		Mượn	131.000.000	-
		Lãi cho vay	59.553.378	-
		Mua tài sản	19.636.229	-
		Chi hộ	8.723.833	-
		Bán tài sản cố định	1.614.083	-

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn	419.161.086	-
		Thu hồi khoản cho mượn	415.574.777	-
		Cho vay	394.394.765	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	184.542.253	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	111.187.299	-
		Lãi cho vay	37.608.961	-
		Mượn	6.954.000	-
		Chi hộ	699.545	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Cho vay	401.260.000	-
		Lãi cho vay	4.180.123	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	319.931.365	295.408.780
		Cho vay	161.506.120	371.578.296
		Cho mượn	25.405.650	-
		HĐHTKD	-	440.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	104.042.000	-
		Lãi cho vay	7.486.903	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	1.755.556	6.511.106
		Cho mượn	-	7.005.607
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua tài sản	55.821.045	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	4.440.857	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	53.174.326	-
		Cho vay	26.000	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	45.412.183	2.403.208
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.052.893	4.682.948
		Cho vay	-	3.000.000

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	25.910.692	-
		Lãi cho vay	14.273.336	22.292.669
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.411.822	22.295.903
		Lãi vay	1.448.958	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	78.193	1.078.511
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	15.803.280	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	20.678.860	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.059.641	-
		Lãi cho vay	7.901.640	-
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.901.640	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.288.952	-
		Mua tài sản	597.096	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	77.854	-
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	2.633.880	-
		Cho mượn không lãi suất	478.330	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.072.573	-
		Mua tài sản	726.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	39.333	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.287.142	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	646.600	404.387

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Quý	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	495.300	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	159.863	5.182.241
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	4.122.224

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	53.347.003	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	35.866.935	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.420.359	-
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.764.302	-
		Bán tài sản cố định	1.748.337	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.115.070	5.444.663
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.265.606	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	449.761	375.199
			140.075.031	38.917.520

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	10.673.489	23.253.451
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	1.652.520	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	247.218	-
			12.573.227	23.253.451
Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất (%/năm)	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	8,00 - 8,60	4.120.545.983	3.644.498.048
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	1.351.784.995	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lở Pang	Công ty liên quan	6,15	500.000.000	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	8,60 - 10,00	251.431.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	10,00	102.165.041	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	-	15.000.000	15.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	4,80	22.179.629	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12,00	4.209.929	86.936.725
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	-	26.000	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,00	-	3.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.811.406
			6.397.342.577	3.781.246.179

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất (%/năm)	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	4,80	665.818.080	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	636.677.272	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80	213.020.219	840.307.997
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	8,00	253.800.000	253.800.000
Công ty Cổ Phần Gia Súc Lở Pang	Công ty liên quan	7,575	178.816.833	-
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	8,00	126.900.000	126.900.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	124.747.486	100.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	105.918.838	-
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	8,00	42.300.000	42.300.000
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	15.751.124	-
			2.363.749.852	1.363.307.997

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 11 năm 2021, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	404.394.310	112.367.032
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	26.200.685	-
		Cho mượn	10.699.989	-
		Khác	1.520.465	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.856.246	22.873.208
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn	7.486.903	65.490.397
		Tạm ứng	10.812	26.120
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Lãi cho vay	4.427.049	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn	1.300.000	-
		Lãi cho vay	72.491	-
		Khác	22.000	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	614.990	461.872
			480.605.940	201.218.629

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	HĐHTKD	440.000.000	440.000.000
		Lãi cho vay	23.379.954	7.160.868
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	50.880.235	-
Công ty Cổ phần Gỗ HAGL	Công ty liên quan	Lãi cho vay	43.144.374	29.854.077
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.534.787	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	19.829.760	4.026.480
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	Lãi cho vay	15.805.440	7.903.800
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.021.989	-
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	3.321.960	688.080
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.538.997	-
			639.457.496	489.633.305

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	66.675.236	-
		Mua tài sản cố định	33.473.380	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.380.474	116.694.539
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.257.375	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.081.090	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.883.340	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.497.279	
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	482.444	1.080.231
			138.730.618	117.774.770
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 20)				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	302.565.957	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	11.295.473	-
			313.861.430	-

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mượn tiền	10.415.275	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi phạt	6.739.726	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	594.335
		Khác	682.739	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	-	100.000.000
		Mượn tiền	-	70.000.000
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	37.481.217
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	24.197.190
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HĐHTKD	-	4.112.630
		Mượn tiền	-	1.000.000
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Mượn tiền	-	150.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	4.500	15.612
			18.114.940	237.823.684
Phải trả dài hạn khác (TM số 23)				
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Mượn tiền	-	236.357.918

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong năm như sau:

Ngàn VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.662.428	2.482.728
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	2.214.202	2.077.893
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.519.645	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.286.280	1.326.582
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT	243.000	1.308.936
Các cá nhân khác		2.408.545	1.304.400
TỔNG CỘNG		10.334.100	8.500.539

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong năm như sau:

Ngàn VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	83.700	109.091
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	54.000	141.818
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	-	1.167.524
Các cá nhân khác		162.000	130.909
TỔNG CỘNG		299.700	1.549.342

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam và Lào để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.396.264	27.564.339
Từ 1 đến 5 năm	13.121.612	110.323.976
Trên 5 năm	100.473.334	949.434.540
TỔNG CỘNG	116.991.210	1.087.322.855



THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m² thuộc sở hữu của Công ty;
- 76.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (150 ha chanh dây, 229,25 ha bơ, 74,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;

Ngoài ra, theo Hợp đồng Tín dụng Số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng Tín dụng Số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thuốc (“Bá Thuốc”) và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá (“BIDV”), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thuốc vay vốn tại BIDV theo Thư Bảo lãnh Vay vốn Số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn và Bá Thuốc đang trong quá trình làm việc với BIDV để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản Bảo lãnh trên.

36. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	6.534.440.081	2.464.351.274
- Đô la Mỹ (USD)	602.669	1.749.612
- Đồng Euro (EUR)	190	401
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	-	64.372.090
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	-
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	3.720.000	3.720.000

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.



37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

				Ngàn VND
	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Doanh thu				
Từ khách hàng bên ngoài	506.531.911	2.670.114.045	-	3.176.645.956
Giữa các bộ phận	956.758.129	1.048.786.431	(2.005.544.560)	-
Tổng cộng	1.463.290.040	3.718.900.476	(2.005.544.560)	3.176.645.956
Kết quả của bộ phận				
Chi phí không phân bổ				(2.535.160.254)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				(2.329.429.911)
Thu nhập tài chính				1.287.363.665
Chi phí tài chính				(1.318.161.483)
Lãi từ công ty liên kết				8.767.467
Lỗ trước thuế				(2.351.460.262)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(3.440.989)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				(28.438.599)
Lỗ sau thuế TNDN trong năm				(2.383.339.850)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	3.018.565.742	33.883.908.746	-	36.902.474.488
Tiền				97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết				266.193.865
Tổng tài sản				37.265.819.551
Nợ phải trả của bộ phận	(1.938.204.272)	(24.455.352.451)	-	(26.393.556.723)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(141.070.733)	(703.396.636)		(844.467.369)
Tổng nợ phải trả				(27.238.024.092)

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND				
	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Doanh thu				
Từ khách hàng bên ngoài	533.468.038	1.563.950.328	-	2.097.418.366
Giữa các bộ phận	964.289.519	648.791.960	(1.613.081.479)	
Tổng cộng	1.497.757.557	2.212.742.288	(1.613.081.479)	2.097.418.366
Kết quả của bộ phận	28.242.811	478.727.416	-	506.970.227
Chi phí không phân bổ				(276.542.674)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				230.427.553
Thu nhập tài chính				735.078.612
Chi phí tài chính				(1.090.293.038)
Lỗ từ công ty liên kết				(5.819.760)
Lỗ trước thuế				(130.606.633)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(885.768)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				259.098.512
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				127.606.111
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	1.379.555.497	16.981.831.457	-	18.361.386.954
Tiền				78.298.037
Tổng tài sản				18.439.684.991
Nợ phải trả của bộ phận	(169.209.645)	(13.086.630.775)	-	(13.255.840.420)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(510.611.231)		(510.611.231)
Tổng nợ phải trả				(13.766.451.651)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

Ngàn VND				
	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Doanh thu				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.208.058.651	231.786.705	48.975.262	687.825.338
Chi phí hình thành tài sản cố định	166.860.532	690.716.762	914.742.077	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	16.349.124.058	13.401.401.402	7.151.949.028	-
Tiền				97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết				266.193.865
Tổng tài sản				37.265.819.551
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Doanh thu				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.130.544.964	620.339.519	-	346.533.883
Chi phí hình thành tài sản cố định	690.730.524	245.779.318	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	14.380.934.619	3.980.452.335	-	18.361.386.954
Tiền				78.298.037
Tổng tài sản				18.439.684.991

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 10 tháng 2 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 48.100.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 16,07% xuống còn 11,73%.

Vào ngày 1 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 25.400.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 11,73% xuống còn 9,4%.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021 CỦA TẬP ĐOÀN HAGL ĐƯỢC IN VỚI SỐ LƯỢNG CÓ HẠN.
VÌ VẬY, KHI KHÔNG CÒN NHU CẦU SỬ DỤNG,
QUÝ VỊ VUI LÒNG CHUYỂN CHO NHỮNG NGƯỜI CÓ QUAN TÂM.
NGOÀI RA, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021 CỦA TẬP ĐOÀN HAGL
CÒN ĐƯỢC CÔNG BỐ BẰNG PHIÊN BẢN ĐIỆN TỬ.



Quý vị quan tâm vui lòng truy cập website:

www.hagl.com.vn



HAGL Group

WWW.HAGL.COM.VN

🏠 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

☎ (+84) 269 222 5888

📠 (+84) 269 222 2335